



HÓA CHẤT XÂY DỰNG



www.cleverpolymers.vn

HỆ THỐNG SẢN PHẨM

CHỐNG THẤM POLYURETHANE - SƠN SÀN CÔNG NGHIỆP
BƠM PU - SẢN PHẨM BỔ SUNG



GIỚI THIỆU CÔNG TY



Clever Polymers and Construction Chemicals Inc. phát triển và sản xuất màng chống thấm polyurethane, sơn phủ sàn và sơn bảo vệ, nhựa polyurethane và các sản phẩm hoàn thiện cho thể giới xây dựng, các ứng dụng công nghiệp và các giải pháp chi tiết kiến trúc ở Gebze / Thổ Nhĩ Kỳ.

Với cơ sở hạ tầng dựa trên nghiên cứu và phát triển công nghệ cao, sáng tạo, nhằm cung cấp chất lượng cao, được chứng nhận quốc tế, nhiều loại sản phẩm và dịch vụ.

Thiết kế và sản xuất các sản phẩm chống thấm và bảo vệ sàn công nghệ cao, luôn là nhà sản xuất có uy tín trên thị trường quốc tế, hoạt động với nguyên tắc của sự hoàn hảo, đổi mới và sáng tạo cũng như các đặc tính định hướng giải pháp của chúng tôi đã dẫn chúng tôi tới thành công và trở thành một công ty có tính chuyên nghiệp cao trên cả thị trường trong nước và quốc tế.

Và lại Clever Polymers Construction Chemicals Inc. còn sản xuất màng chống thấm dung dịch polyurethane, sơn phủ sàn công nghiệp, vữa sửa chữa epoxy và nhiều loại sơn lót trong các nhà máy hiện đại của nó.

Do đó Clever Polymers and Construction Chemicals Inc. hướng đến mục tiêu trở thành Công ty chống thấm hàng đầu trong ngành công nghiệp chống thấm quốc tế bằng cách tăng khối lượng kinh doanh với các đối tác kinh doanh, khách hàng, nhà phân phối đáng tin cậy của mình.



MÀNG CHỐNG THẤM POLYURETHANE		
CLEVER PU 110	Màng dung dịch Polyurethane một thành phần, độ nhớt thấp, chịu tia cực tím	2
CLEVER PU 120	Màng dung dịch Polyurethane một thành phần	4
CLEVER PU 130	Màng dung dịch Polyurethane một thành phần	6
CLEVER PU 400 BT-2K	Màng Polyurethane Clever PU 400 BT-2K Bitum	8
CLEVER PU 400 BT-1K	Màng Polyurethane Clever PU 400 BT-1K Bitum	10
CLEVER PU 400 BT-1K RAPID	Màng dung dịch Polyurethane Bitumen một thành phần ninh kết nhanh	12
CLEVER PU 2KW	Màng chống thấm Polyurethane 2K không dung môi	14
CLEVER PU TRANS ALM	Màng Polyurethane một thành phần trong suốt	16
POLYUREA KHÔNG GIAN MẮT		
CLEVER COLD POLYUREA	Màng chống thấm Polyurea thi công nguội	18
VẬT LIỆU CHỐNG THẤM BITUMEN		
CLEVER B-TŨM 2K	Vật liệu chống thấm 2K gốc Bitum cao su	20
KEO BỊT POLYURETHANE		
CLEVERSEAL PU 25	Keo Polyurethane một thành phần	22
CLEVERSEAL PU 2K	Keo Polyurethane hai thành phần có thể rót	24
KEO BỊT POLYURETHANE		
CLEVER PU INJECTION	Polyurethane bơm bọt foam một thành phần độ nhớt thấp	26
SƠN LÓT POLYURETHANE		
CLEVER PU PRIMER 200	Sơn lót Polyurethane một thành phần	28
CLEVER PU PRIMER 300-2K	Sơn lót Polyurethane hai thành phần, ngăn ẩm	30
CLEVER PU TILE PRIMER	Sơn lót một thành phần dành cho mặt nền không xốp	32
SƠN LÓT EPOXY		
CLEVER EPOXY PRIMER	Sơn lót Epoxy không dung môi	34
CLEVER EPOXY PRIMER WET	Sơn lót hai thành phần, không dung môi, khả dụng hơi ẩm 98%	36
CLEVER EPOXY PRIMER N	Sơn lót Epoxy không dung môi khả dụng với hơi ẩm	38
CLEVER EPOXY PRIMER WB	Sơn lót Epoxy gốc nước ngăn ẩm	40
LỚP PHỦ BỀ MẶT		
CLEVER PU 640 TC-1K	Lớp phủ bề mặt Polyurethane một thành phần, chịu tia cực tím	42
CLEVER PU 640 TC-2K	Lớp phủ bề mặt Polyurethane hai thành phần, chịu tia cực tím	44
CLEVER PU BINDER-1K	Chất kết dính PU một thành phần	46
CLEVER PU BINDER-2K	Chất kết dính PU hai thành phần	48
CLEVER PUR FLEX SLF	Lớp phủ Polyurethane hai thành phần, tự chảy phẳng, không dung môi	50
SẢN PHẨM BỔ SUNG		
CLEVER EPOXY REPAIR	Vữa sửa chữa và neo gốc Epoxy	52
CLEVER PUR FIX-2K	Keo dán Polyurethane hai thành phần không dung môi	54
CLEVER PAH BANDI	Băng chống thấm vải địa Polyester gia cường	56
CLEVER BAND TP	Băng giãn nở	57
CHẤT XÚC TÁC		
CLEVER PU ACC CATALYST	Chất xúc tác cho màng PU 1K	58
CLEVER PU INJ CATALYST	Chất xúc tác nhựa PU bơm bọt foam	

MÔ TẢ

CLEVER PU 110; Màng dung dịch chống thấm một thành phần, đàn hồi, gốc PU, chịu tia cực tím, độ nhớt thấp. Nó tạo ra một lớp màng đàn hồi và độ bền cao bằng cách ninh kết hơi ẩm.

ĐẶC TÍNH

- Chịu tia cực tím.
- Dễ thi công (bằng chổi, con lăn hoặc thiết bị phun).
- Khi được thi công sẽ tạo thành một lớp màng liền mảnh không mối nối.
- Do sản phẩm là polyurethane nguyên chất nên nó có thể tiếp xúc liên tục với nước.
- Duy trì đặc tính cơ học ở nhiệt độ từ -40 °C đến +90 °C.
- Cung cấp khả năng thấm hút hơi nước nên bề mặt có thể thở.
- Thậm chí khi lớp màng bị hư hại, nó có thể dễ dàng được sửa chữa cục bộ trong vài phút.
- Kháng hóa chất.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Kênh mương tưới tiêu
- Sân thượng và ban công
- Chống thấm dưới lớp gạch lát (phòng tắm, nhà bếp, vv..).
- Bãi đỗ xe
- Tẩm xi măng và tẩm thạch cao.
- Nội và ngoại thất
- Chống thấm mái lộ thiên
- Mặt cầu
- Màng Asphalt
- Sân vận động và khán đài

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng CLEVER PU PRIMER 200 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm CLEVER PU PRIMER 300-2K hoặc CLEVER EPOXY PRIMER N được khuyến dung làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Quét/lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để có độ bám dính lớp xen giữa tốt hơn, sử dụng CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER PU 110; Khuấy mạnh đến khi nhuyển đều. Sau khi kết thúc quá trình khuấy, tiếp tục trộn chậm trong vài phút. Trộn bằng máy trộn tốc độ chậm đến khi hỗn hợp đạt độ đồng đều.

THI CÔNG

CLEVER PU 110; Thi công hỗn hợp bằng chổi hoặc con lăn tối thiểu hai lớp. Sau khi lớp thứ nhất được thi công tối thiểu 12 giờ và tối đa 24 giờ, thi công lớp thứ hai. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,75 – 0,90 kg/m²

Ứng dụng tối thiểu hai lớp

Tổng tiêu thụ tối thiểu: 1,5 – 1,8 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

5 Kg – 25 Kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	1K Polyurethane
Màu sắc	Trắng, ghi
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,40 gr/cm ³ ±0.05
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	2500-3500cp
Đóng gói	5 Kg – 25 Kg
Khả năng thấm hơi nước (ASTM E96)	0,8 gr/ m ² /giờ
Độ bóng	Hơi bóng
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Chịu nhiệt độ	100 ngày ở 80°C & 200°C Khô (sốc nhiệt)
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	1,5-1,8 kg/m ²
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	70 (Shore A)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ %600
QUV (ASTM G53)	2000 giờ
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 8 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Phun, lăn, quét
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU 120; Mànng dung dịch chống thấm một thành phần, đàn hồi và tiết kiệm, gốc PU. Nó tạo ra một lớp mànng đàn hồi và độ bền cao bằng cách ninh kết hơi ẩm.

ĐẶC TÍNH

- Tiết kiệm.
- Dễ thi công (bằng chổi, con lăn hoặc thiết bị phun).
- Khi được thi công sẽ tạo thành một lớp mànng liền mảnh không mối nối.
- Do sản phẩm là polyurethane nguyên chất nên nó có thể tiếp xúc liên tục với nước.
- Duy trì đặc tính cơ học ở nhiệt độ từ -40 C đến +80 C.
- Cung cấp khả năng thấm hút hơi nước nên bề mặt có thể thở.
- Thậm chí khi lớp mànng bị hư hại, nó có thể dễ dàng được sửa chữa cục bộ trong vài phút.
- Kháng hóa chất.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Tẩm xi măng và tẩm thạch cao.
- Nội và ngoại thất.
- Chống thấm mái không lộ thiên.
- Khu vực sử dụng nước.
- Phòng tắm
- Chống thấm dưới lớp gạch lát
- Mànng Asphalt EPDM

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sập, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng CLEVER PU PRIMER 200 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm CLEVER PU PRIMER 300 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER N được khuyến dụng làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Quét/lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để có độ bám dính lớp xen giữa tốt hơn, sử dụng CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER PU 120; Khuấy mạnh đến khi nhuyễn đều. Sau khi kết thúc quá trình khuấy, tiếp tục trộn chậm trong vài phút.

THI CÔNG

CLEVER PU 120; Thi công hỗn hợp bằng chổi hoặc con lăn tối thiểu hai lớp. Sau khi lớp thứ nhất được thi công tối thiểu 12 giờ và tối đa 24 giờ, thi công lớp thứ hai. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,6 - 0,75 kg/m²

Ứng dụng tối thiểu hai lớp

Tổng tiêu thụ tối thiểu: 1,2 - 1,5 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

5 Kg - 25 Kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	1K Polyurethane
Màu sắc	Ghi
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,43 gr/cm ³ ±0.05
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	3000-5000cp
Đóng gói	5 Kg - 25 Kg
Khả năng thấm hơi nước (ASTM E96)	0,8 gr/ m ² /giờ
Độ bóng	Hơi bóng
Nhiệt độ thi công	+5 °C đến +35 °C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Chịu nhiệt độ	100 ngày ở 80 C & 200 C Khô (sốc nhiệt)
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	1,2-1,5 kg/m ²
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	60 (Shore A)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ %400
QUV (ASTM G53)	2000 giờ
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 5,5 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Phun, lăn, quét
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 4 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU 130; Mànng dung dịch chống thấm một thành phần, tiết kiệm, gốc PU. Nó tạo ra một lớp màng đàn hồi và độ bền cao bằng cách ninh kết hơi ẩm.

ĐẶC TÍNH

- Tiết kiệm.
- Dễ thi công (bằng chổi, con lăn hoặc thiết bị phun).
- Khi được thi công sẽ tạo thành một lớp màng liền mảnh không mối nối.
- Do sản phẩm là polyurethane nguyên chất nên nó có thể tiếp xúc liên tục với nước.
- Duy trì đặc tính cơ học ở nhiệt độ từ -30°C đến $+80^{\circ}\text{C}$.
- Cung cấp khả năng thấm hút hơi nước nên bề mặt có thể thở.
- Thậm chí khi lớp màng bị hư hại, nó có thể dễ dàng được sửa chữa cục bộ trong vài phút.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Khu vực sử dụng nước.
- Nhà bếp
- Phòng tắm
- Chống thấm dưới lớp gạch lát

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng CLEVER PU PRIMER 200 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm CLEVER PU PRIMER 300 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER N được khuyến dung làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Quét/lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để có độ bám dính lớp xen giữa tốt hơn, sử dụng CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER PU 130; Khuấy mạnh đến khi nhuyễn đều. Sau khi kết thúc quá trình khuấy, tiếp tục trộn chậm trong vài phút.

THI CÔNG

CLEVER PU 130; Thi công hỗn hợp bằng chổi hoặc con lăn tối thiểu hai lớp. Sau khi lớp thứ nhất được thi công tối thiểu 12 giờ và tối đa 24 giờ, thi công lớp thứ hai. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: $0,6 - 0,75 \text{ kg/m}^2$

Ứng dụng tối thiểu hai lớp

Tổng tiêu thụ tối thiểu: $1,2 - 1,5 \text{ kg/m}^2$

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

5 Kg – 25 Kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ $5-25^{\circ}\text{C}$. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	1K Polyurethane
Màu sắc	Ghi
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,55 gr/cm ³ ±0.05
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	3000-4000cp
Đóng gói	5 Kg – 25 Kg
Khả năng thấm hơi nước (ASTM E96)	0,8 gr/ m ² /giờ
Độ bóng	Hơi bóng
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Chịu nhiệt độ	200 ngày ở 80°C & 150°C Khô (sốc nhiệt)
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	1,2-1,5 kg/m ²
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	65 (Shore A)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ %300
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 4 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Phun, lăn, quét
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 2 giờ Lớp kế tiếp: 6-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU 400 BT-2K; Mànng dung dịch thi công lạnh hai thành phần, bitum đàn hồi, gốc PU ninh kết nhanh. Nó tạo ra một lớp mànng có độ đàn hồi cao với khả năng bám dính hoàn hảo với nhiều loại bề mặt.

ĐẶC TÍNH

- Dễ thi công.
- Khi được thi công sẽ tạo thành một lớp mànng liên mảnh không mối nối.
- Nó có đặc tính giãn dài hoàn hảo.
- Ninh kết nhanh.
- Kháng nước đọng và kháng sương giá.
- Độ cứng thấp tạo cho nó khả năng kết liền vết nứt mặt nền hoàn hảo.
- Bám dính hoàn hảo lên hầu hết các loại bề mặt, với hoặc không với lớp lót đặc biệt.
- Nó cung cấp khả năng đàn hồi vĩnh viễn ở nhiệt độ từ -40°C đến +90°C.
- Chịu nhiệt độ thấp: Lớp mànng duy trì khả năng đàn hồi thậm chí nhiệt độ hạ xuống tới -40 °C.
- Kháng hóa chất.
- Có thể được sử dụng làm keo trám khe.
- Đặc tính cơ học hoàn hảo, khả năng giãn dài, độ bền căng và độ bền xé cao, khả năng chịu mài mòn cao.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Bể chứa nước (không phải nước uống)
- Tầng hầm
- Móng
- Mặt cầu
- Đường hầm
- Phòng tắm, sân thượng và mái (dưới lớp gạch lát)
- Bê tông chống thấm
- Tường chắn
- Tấm xi măng và thạch cao
- Bọt cách nhiệt Polyurethane
- Mànng Asphalt EPDM
- Mái trồng cây và bồn hoa
- Mái lợp nhẹ bằng kim loại hoặc fibro xi măng.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng CLEVER PU PRIMER 200 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm CLEVER PU PRIMER 300 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER N được khuyến dung làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Quét/lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để có độ bám dính lớp xen giữa tốt hơn, sử dụng CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER PU 400 BT-2K; hai thành phần được cung cấp trong hai thùng riêng biệt với tỷ lệ pha trộn được định sẵn. Đổ 20 lít thành phần A vào 20 lít thành phần B, và trộn bằng máy trộn tốc độ chậm đến khi

THI CÔNG

CLEVER PU 400 BT-2K; Thi công hỗn hợp bằng chổi, dao bay hoặc con lăn tối thiểu hai lớp. Sau khi lớp thứ nhất được thi công tối thiểu 12 giờ và tối đa 24 giờ, thi công lớp thứ hai. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ. Rửa sạch các thiết bị thi công khi ngừng thi công. Nó có thể được thi công bằng một lớp đơn dày với định mức tiêu thụ tối thiểu 1.5-2.0 lít/m².

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,75 – 1,00 lít/m²

Ứng dụng tối thiểu hai lớp

Tổng tiêu thụ tối thiểu: 1,5 – 2,0 lít/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

20 Lt + 20 Lt

7,5 Lt + 7,5 Lt

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Bituminous – Polyurethane
Màu sắc	Đen
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1 gr/cm ³ ±0.02
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	3000-3500cp (A+B)
Đóng gói	20 (A) Lt + 20 (B) Lt; 7,5 (A) Lt + 7,5 (B) Lt
Tỷ lệ trộn	1/1 theo khối lượng
Độ bóng	Hơi bóng
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Chịu nhiệt độ	200 ngày ở 80°C & 150°C Khô (sốc nhiệt)
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	1,5-2,0 lít/m ²
Độ cứng ASTM D2240, DIN 53505, ISO R 868	35 (Shore A)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 2000%
QUV (ASTM G53)	1000 giờ
Thời gian sống	30 phút (ở 20°C)
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 2 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Phun, lăn, quét
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 2 giờ Lớp kế tiếp: 6-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU 400 BT-1K; Mànng dung dịch một thành phần, gốc polyurethane kết hợp bitum, có tính lưu biến. Nó tạo ra một lớp mànng có độ đàn hồi cao với khả năng bám dính hoàn hảo với nhiều loại bề mặt.

ĐẶC TÍNH

- Lưu biến
- Dễ thi công (bằng chổi hoặc con lăn).
- Khi được thi công sẽ tạo thành một lớp mànng liên mảnh không mối nối.
- Gốc nhựa polyurethane kỵ nước đàn hồi.
- Nó cung cấp khả năng đàn hồi vĩnh viễn ở nhiệt độ từ -40 °C đến +90 °C.
- Kháng hóa chất.
- Ninh kết nhanh.
- Cung cấp khả năng thấm hút hơi nước nên bề mặt có thể thở.
- Khi CLEVER PU 400 BT-1K bị hư hại, nó có thể dễ dàng được sửa chữa cục bộ trong vài phút.
- Nó có thể được ứng dụng trên bề mặt đứng mà không chảy xuống hay vồng xệ.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Tấm xi măng và thạch cao
- Tầng hầm
- Móng
- Ban công, sân thượng và mái
- Khu vực sử dụng nước
- Tường chắn
- Dưới lớp gạch lát
- Mànng Asphalt

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng CLEVER PU PRIMER 200 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm CLEVER PU PRIMER 300-2K hoặc CLEVER EPOXY PRIMER N được khuyến dung làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Quét/lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để có độ bám dính lớp xen giữa tốt hơn, sử dụng CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER PU 400 BT-1K; Trước khi sử dụng, dùng máy trộn tốc độ chậm trộn đến khi hỗn hợp nhuyễn đều.

THI CÔNG

Thi công hỗn hợp bằng chổi, dao bay hoặc con lăn tối thiểu hai lớp. Sau khi lớp thứ nhất được thi công tối thiểu 12 giờ và tối đa 24 giờ, thi công lớp thứ hai. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ. Rửa sạch các thiết bị thi công khi ngừng thi công. Trường hợp thi công bằng thiết bị phun, sản phẩm phải được pha loãng với xylene.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,6 – 0,75 kg/m²

Ứng dụng một hoặc hai lớp

Tổng tiêu thụ tối thiểu: 1,2 – 1,5 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

4 + 20 Kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 9 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Polyurethane – Bituminous
Màu sắc	Đen
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,04gr/cm ³ ±0.05
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	15,000-20,000cp
Đóng gói	4KG; 20 KG
Truyền hơi nước	0,8 gr /m ² /giờ
Độ bóng	Hơi bóng
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Khi thi công bằng thiết bị phun
Chịu nhiệt độ	200 ngày ở 80°C & 150°C Khô (sốc nhiệt)
Thời hạn sử dụng	9 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	1,2-1,5 kg/m ²
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	35 (Shore A)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 1200%
QUV (ASTM G53)	1000 giờ
Thời gian sống	30 phút (ở 20°C)
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 3 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Phun, lăn, quét
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 4-6 giờ Lớp kế tiếp: 8-12 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU 400 BT-1K RAPID; Màn dung dịch gốc polyurethane bitumen mở rộng, một thành phần, ninh kết nhanh. Nó tạo ra một lớp màng có độ đàn hồi cao với khả năng bám dính hoàn hảo lên nhiều loại bề mặt.

ĐẶC TÍNH

- Ninh kết nhanh.
- Không sinh bóng khí trong quá trình ninh kết.
- Dễ thi công (bằng chổi hoặc bay).
- Khi được ứng dụng sẽ hình thành nên lớp màng liền mảnh không mối nối.
- Gốc nhựa polyurethane đàn hồi, không thấm nước.
- Cung cấp khả năng đàn hồi vĩnh viễn với dải nhiệt độ từ -40°C đến +90°C.
- Kháng hóa chất.
- Thấm hơi ẩm, nên bề mặt thông khí

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Tầng hầm
- Móng
- Mái, sân thượng và ban công
- Khu vực sử dụng nước
- Tường chắn
- Dưới lớp gạch lát
- Màng Asphalt

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ sạch dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt vật liệu lỏng lẻo và chất chống dính cấp pha. Trám kín các vết lõm bề mặt bằng sản phẩm thích hợp.

LỚP LÓT

Quét lót bề mặt bê tông hoặc lớp vữa trát giòn hoặc và thấm hút bằng CLEVER PU PRIMER 200 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER (độ ẩm bê tông không quá 5%). Hoặc với bề mặt ẩm, quét bằng CLEVER PU PRIMER 300-2K hoặc CLEVER EPOXY PRIMER N để làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Quét hoặc lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian hì công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để đạt độ bám dính tốt hơn cho lớp giữa, nên quét CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER PU 400 BT-1K RAPID; khuấy trộn đều bằng máy trộn tốc độ chậm trước khi sử dụng.

THI CÔNG

CLEVER PU 400 BT-1K RAPID; Được thi công bằng chổi hoặc bay hoặc con lăn tối thiểu hai lớp. Sau lớp thứ nhất được thi công tối thiểu 4 giờ và tối đa 8 giờ, thi công lớp thứ hai. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ. Xả sạch các thiết bị thi công khi ngừng thi công. Trường hợp thi công bằng biện pháp phun, vật liệu cần được pha loãng với xylene.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 1,00 kg/m²

Ứng dụng tối thiểu hai lớp.

Tổng tiêu thụ tối thiểu: 2,0 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

4 Kg - 20 Kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 9 tháng khi còn nguyên bao gói ở nơi khô ráo với nhiệt độ 5-25°C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Polyurethane – Bituminous
Màu sắc	Đen
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,30gr/cm ³ ±0.05
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	3.500-5.500 cp
Đóng gói	4KG; 20 KG
Truyền hơi nước	0,8 gr /m ² /giờ
Độ bóng	Hơi bóng
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Cần pha loãng khi thi công bằng biện pháp phun
Chịu nhiệt độ	200 ngày ở 80°C & 150°C Khô (sốc nhiệt)
Thời hạn sử dụng	9 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	2,00 kg/m ²
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	35 (Shore A)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 600%
Thời gian sống	30 phút (ở 20°C)
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 3 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 1,5 N/mm ²
Biện pháp thi công	Con lăn, chổi, bay, thiết bị Phun
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 1 giờ Lớp kế tiếp: 4 - 8 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU 2KW; là màng chống thấm polyurethane hai thành phần, không dung môi, được thiết kế đặc dụng cho bể nước uống.

ĐẶC TÍNH

- Khả năng bám dính hoàn hảo.
- Không dung môi.
- An toàn sử dụng trong khu vực không gian kín.
- Kháng hóa chất.
- Lựa chọn tốt nhất cho bể nước uống với hiệu suất cao và tiết kiệm.
- Được chứng thực ứng dụng cho bể nước uống.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Bể bê tông.
- Bể nước.
- Kênh mương tưới tiêu.
- Phòng tắm, nhà bếp và các khu vực sử dụng nước khác.
- Những khu vực tiếp xúc trực tiếp với nước uống.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng CLEVER EP PRIMER WB hoặc CLEVER EPOXY PRIMER (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm CLEVER EPOXY PRIMER WB hoặc CLEVER EPOXY PRIMER N được khuyến nghị làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Quét/lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để có độ bám dính lớp xen giữa tốt hơn, sử dụng CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER PU 2KW; hai thành phần được cung cấp trong hai thùng riêng biệt với tỷ lệ pha trộn được định sẵn. Đổ toàn bộ phần A vào phần B. Trộn kỹ đến khi hỗn hợp nhuyễn đều.

THI CÔNG

CLEVER PU 2KW; Lăn/quét hỗn hợp tối thiểu 2 hoặc 3 lớp. Mức tiêu thụ tối thiểu 0,5 – 0,7 Kg/m²/lớp và ứng dụng 2 hoặc 3 lớp để đạt hiệu suất cao. Tổng định mức tiêu thụ là 1,5 – 1,8 Kg/m². Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Phải quét lót lại nếu đã quá thời gian quy định. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ. Rửa sạch các thiết bị thi công khi ngừng thi công. Trên sàn bê, chỉ cần quét một lớp duy nhất với định mức 1400 gr/m² là đảm bảo. Trên các bề mặt tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng, CLEVER PU 2KW sẽ bị phai màu. Điều đó chỉ làm mất tính thẩm mỹ mà không ảnh hưởng đến hiệu suất của sản phẩm.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,50 – 0,70 kg/m²

Ứng dụng tối thiểu hai hoặc ba lớp

Tổng tiêu thụ tối thiểu: 1,5 – 1,8 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

24 Kg + 4 Kg

6 Kg + 1 Kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Màng Polyurethane không dung môi
Màu sắc	Xanh
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,35 gr/cm ³ ±0.02
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	9000-10000 cp (A+B)
Đóng gói	6 Kg + 1 Kg hoặc 24 Kg + 4 Kg
Tỷ lệ trộn	6/1
Độ bóng	Hơi bóng
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Chịu nhiệt độ	-40°C đến +90°C
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	1,5 – 1,8 kg/m ²
Độ cứng ASTM D2240, DIN 53505, ISO R 868	40 (Shore D)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 100%
Thời gian sống	30 phút (ở 25°C)
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 2 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Lăn, quét
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU TRANS ALM; là màng chống thấm một thành phần trong suốt, gốc PU với khả năng chịu tia cực tím cao. Nó dính kết với hơi ẩm và tạo ra một lớp màng trong suốt có độ đàn hồi và độ bền cao với khả năng bám dính rất cao với bề mặt.

ĐẶC TÍNH

- Đặc tính cơ học hoàn hảo.
- Chịu tia cực tím.
- Chịu phong hóa tốt.
- Thi công đơn giản.
- Do là polyurethane nguyên chất nên nó có thể tiếp xúc liên tục với nước.
- Duy trì đặc tính cơ học ở dải nhiệt độ từ -40 C đến +80 C.
- Bám dính hoàn hảo.
- Kháng hóa chất. Nó cung cấp khả năng đàn hồi và độ bóng vĩnh viễn.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Sân thượng
- Hiên và ban công
- Bê tông và đá tự nhiên
- Kính
- Bề mặt gốm

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cốp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Bề mặt không xốp như kính, gạch kính, gạch men, nên quét lót bằng CLEVER PU TILE PRIMER. CLEVER PU TILE PRIMER nên được thi công bằng con lăn. Lăn/quét CLEVER PU TRANS ALM tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Nếu không chắc chắn về độ bám dính của lớp trung gian, quét một lớp lót CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER PU TRANS ALM; Trộn kỹ đến khi nhuyển đều. Sau khi trộn xong, khuấy chậm thêm vài phút nữa để hỗn hợp đạt độ đồng đều.

THI CÔNG

CLEVER PU TRANS ALM; Lăn/quét hỗn hợp tối thiểu 2 lớp. Sau khi thi công lớp thứ nhất tối thiểu 12 giờ và tối đa 24 giờ thì thi công lớp thứ hai. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Phải quét lót lại nếu đã để quá thời gian quy định. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,10 - 0,50 lt/m²

Ứng dụng tối thiểu hai lớp

Tổng tiêu thụ tối thiểu: 0,2 - 1,0 lt/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

4 lít

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

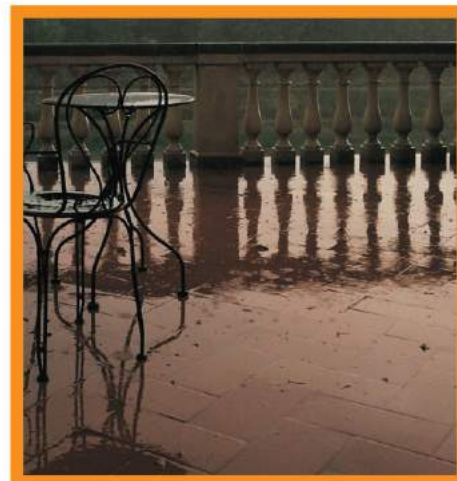
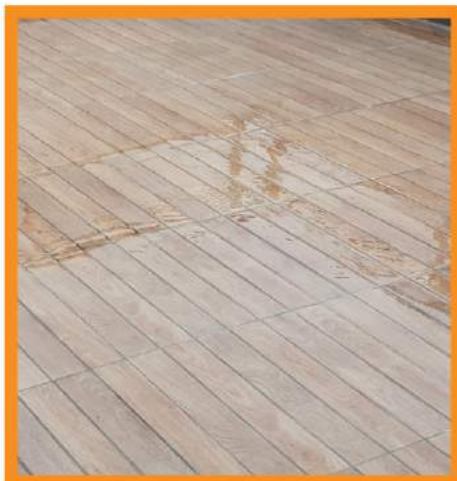
Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	1K Aliphatic Polyurethane
Màu sắc	Trong suốt
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1 gr/cm ³ ±0.03
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	1000-1500cp
Đóng gói	4 lít
Khả năng thấm hơi ẩm (ASTM E96)	0,8 gr/m ² /giờ
Độ bóng	Hơi bóng
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Chịu nhiệt độ	100 ngày ở 80°C & 200°C Khô (sốc nhiệt)
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	0,2-1,0 lít/m ²
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	40 (Shore D)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 350%
QUV (ASTM G53)	3000 giờ
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 35 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Lăn, quét, phun
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER COLD POLYUREA; màng chống thấm polyurea hai thành phần, thi công nguội, ninh kết nhanh.

ĐẶC TÍNH

- Gốc nhựa đàn hồi không thấm nước
- Thi công đơn giản (quét, lăn hoặc phun)
- Khi được ứng dụng hình thành nên lớp màng liền mảnh không mối nối
- Thấm hơi ẩm, nên bề mặt thông khí
- Thậm chí khi màng bị hư hại, có thể dễ dàng sửa chữa cục bộ trong vài phút
- Kháng hóa chất
- Ninh kết nhanh

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Sân thượng
- Khu vực sử dụng nước
- Móng
- Ứng dụng dưới lớp gạch lát
- Kết cấu bê tông

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ sạch dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt vật liệu lỏng lẻo và chất chống dính cốt pha. Trám kín các vết lõm bề mặt bằng sản phẩm thích hợp.

LỚP LÓT

Quét lót bề mặt bê tông hoặc lớp vữa trát giòn hoặc và thấm hút bằng CLEVER PU PRIMER 200 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER (độ ẩm bê tông không quá 5%). Hoặc với bề mặt ẩm, quét bằng CLEVER PU PRIMER 300-2K hoặc CLEVER EPOXY PRIMER N để làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Quét hoặc lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để đạt độ bám dính tốt hơn cho lớp giữa, nên quét CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER COLD POLYUREA; Khuấy trộn từng phần đến khi nhuyển đều, đổ B và A và liên tục khuấy trong vài phút bằng máy trộn tốc độ chậm đến khi hỗn hợp nhuyển đều.

THI CÔNG

CLEVER COLD POLYUREA; Quét hoặc lăn hỗn hợp một lớp. Nếu cần thiết, thi công lớp thứ hai trong vòng 3 giờ sau khi thi công lớp thứ nhất. Thời gian thi công giữa các lớp không được vượt quá 3-4 giờ. Không để tồn đọng vật liệu trong thiết bị thi công quá 2 giờ.

TIÊU THỤ

Một lớp là đủ

Mức tiêu thụ tối thiểu: 1,5 - 2,0 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

25 Kg (Thành phần A) - 1,5 Kg (Thành phần B)

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên bao gói ở nơi khô ráo với nhiệt độ 5-25°C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Polyurea
Màu sắc	Ghi, đỏ
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,30 gr/cm ³ ±0.05
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	8000-10.000cp
Đóng gói	Thành phần A: 25kg ; Thành phần B: 1,5kg
Khả năng thấm hơi ẩm (ASTM E96)	0,8 gr/m ² /giờ
Độ bóng	Hơi bóng
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Cần pha loãng khi thi công bằng biện pháp phun
Chịu nhiệt độ	100 ngày ở 80°C & 200°C Khô (sốc nhiệt)
Thời hạn sử dụng	10 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	1,5-2,0 lít/m ²
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	40 (Shore A)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 500%
Thời gian sống	45 phút
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 4 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2,6 N/mm ²
Biện pháp thi công	Lăn, quét, phun
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 3 - 4 giờ Lớp kế tiếp: 4 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER BITUM 2K; là vật liệu chống thấm hai thành phần, gốc bitum và cao su, polymer biến tính. Khả năng bám dính của nó là hoàn hảo và nó có khả năng kháng ẩm rất cao. Nó tạo ra một lớp linh hoạt với khả năng kết liên vết nứt. Nó tuân thủ tiêu chuẩn DIN 18195 và TS EN 15814.

ĐẶC TÍNH

- Dễ thi công
- Độ cứng thấp tạo cho nó khả năng kết liên vết nứt mặt nền hoàn hảo.
- Ứng dụng trên cả bề mặt đứng và bề mặt ngang.
- Khi được ứng dụng, nó hình thành nên một lớp màng liên mảnh không mối nối.
- Không dung môi.
- Thân thiện môi trường.
- Khả năng chống rã đông cao.
- Dễ thi công trên cả bề mặt ẩm và bề mặt khô.
- Có thể được ứng dụng trong khu vực không gian kín.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Tầng hầm và tường chắn.
- Chống thấm bồn hoa.
- Ứng dụng trên bề mặt đứng và bề mặt ngang.
- Tầng hầm và hầm rượu.
- Phòng tắm, hiên và ban công (dưới gạch lát).
- Bể lắng.
- Khu vực lộ thiên.
- Bề mặt ngầm.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích. Các góc và cạnh nên được vát với bán kính tối thiểu 4 cm.

LỚP LÓT

Quét lót mặt nền bằng 1kg CLEVER BITUM 2K trộn với 5 lít nước. Trộn hỗn hợp bằng máy trộn 400 – 600 vòng/phút trong khoảng 3-4 phút. Sau khi trộn xong, quét đều lên bề mặt, không để đọng, bằng chổi thích hợp.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER BITUM 2K; Thành phần bột (B) được đổ đều vào thành phần dung dịch và trộn khoảng 3-4 phút bằng máy trộn tốc độ 400-600 vòng/phút đến khi nhuyễn đều, không còn vón cục. Để hỗn hợp đã trộn phản ứng trong vòng 2-3 phút rồi đem ra thi công. CLEVER BITUM 2K nên được thi công hết trong vòng 1,5- 2 giờ sau khi được trộn (ở 23°C).

THI CÔNG

CLEVER BITUM 2K; thi công lớp giữa sau khi quét lót xong. Nên ứng dụng hai lớp. Nếu thi công bằng chổi, hai lớp phải được quét chéo nhau. Nhiệt độ thi công phải ở 5-25 C. Lớp vật liệu đã thi công phải được bảo vệ khỏi thời tiết khắc nghiệt 24 giờ. CLEVER BITUM 2K nên được thi công từ phía nước chảy đến. Sau khi lớp vật liệu được thi công đã khô hoàn toàn, chúng phải được che chắn để tránh bị hư hại.

TIÊU THỤ

Lĩnh vực ứng dụng	Độ dày ứng dụng tối thiểu (màng khô)	Mức tiêu thụ tối thiểu
Khu vực đất ướt (nước ngầm lưu thông)	2 mm	3 kg/m ²
Khu vực không chịu áp lực nước (nước ngầm tĩnh)	3 mm (với lưới gia cố)	4,5 kg/m ²
Khu vực chịu áp lực nước lâu dài	4 mm (với lưới gia cố)	6 kg/m ²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

22 Kg + 8 Kg (bộ 30 kg)

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Bitum cao su + xi măng
Màu sắc	Đen nâu nhạt
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,03 gr/cm ³ ±0.02
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	3000-5000cp
Đóng gói	22 (A) Kg + 8 (B) Kg
Tỷ lệ pha trộn	22/8 theo khối lượng
Hàm lượng chất rắn	66% ±1%
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Chịu nhiệt độ	-20°C đến +80°C
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	3-3,5 Kg/m ²
Thời gian sống	1,5- 2 giờ (ở 20°C)
Biện pháp thi công	Lăn, quét, phun
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVERSEAL PU 25; là keo trám khe polyurethane một thành phần, nhũ kết hơi ẩm.

ĐẶC TÍNH

- Bám dính hoàn hảo với các loại bề mặt có hoặc không có lớp lót.
- Dễ thi công, có thể phục hồi.
- Kháng hóa chất.
- Thích ứng cho chống thấm khe nối bể nước, bể bơi tiếp xúc với hóa chất.
- Có thể được sơn phủ.
- Khả năng chống võng xệ cao do khả năng lưu biến của nó.
- Hoàn toàn không thấm nước khi đã nhũ kết.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Làm keo trám khe nối.
- Trám khe nối panen bê tông.
- Panen đúc sẵn.
- Cả khe đứng và khe nằm ngang.
- Bể nước và bể bơi.
- Bê tông, thép hoặc bất kỳ chất nền nào khác.
- Kênh mương tưới tiêu.
- Khe nối mái và sân thượng.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Khe nối phải được làm sạch kỹ càng, và bề mặt phải sạch dầu, mỡ, nhiên liệu, sáp, silicon và các chất cặn khác. Thông thường không cần phải quét lót. Ứng dụng trên mặt nền vững chắc. Bề mặt bê tông xốp, hoặc những khu vực nứt vỡ nặng, nên được gắn cẩn thận để tránh bóng khí. Nếu mặt nền không vững chắc, cần quét CLEVER PU PRIMER 200 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER để gia cố mặt nền. Sử dụng CLEVER PU PRIMER 300 hoặc CLEVER EP PRIMER N cho bê tông ẩm.

THI CÔNG

CLEVERSEAL PU 25; Thận trọng đặt thanh chèn vào trong khe nối ở độ sâu thích hợp. Lắp tuýp keo vào súng bơm, và cắt đầu vòi từ đầu mỏm để tạo kích thước miệng thích hợp. Bơm CLEVERSEAL PU 25 vào trong khe nối đảm bảo rằng không khí không kẹt lại trong khe nối. Các khe nối rộng có thể cần phải thi công nhiều lần để đảm bảo cho keo phải tiếp xúc hoàn toàn với các cạnh và đáy khe nối. Miết nhẵn mặt keo ngay sau khi thi công. Bơm keo với độ sâu tối thiểu 10 mm, và tỷ lệ độ rộng với độ sâu là 2:1.

Đóng gói: Tuýp mềm 600 cc

TIÊU THỤ

ĐỘ SÂU	ĐỘ RỘNG			
	10 mm	15 mm	20 mm	25 mm
10 mm	6 mt	4 mt	3 mt	2,4 mt

Đây chỉ là định mức tiêu thụ trên lý thuyết.

Tỷ lệ này có thể thay đổi tùy thuộc vào hình dạng và độ rộng của khe.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Keo 1K Polyurethane
Màu sắc	Trắng, ghi
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,15 gr/cm ³ ±0.03
Đóng gói	600 cc
Chịu nhiệt độ	-30°C đến +80°C
Tốc độ ninh kết (mm/ngày)	2 mm
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Modulus 100% (ISO 8339)	0,3 MPa
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Độ bền xé (DN 53515)	6,5 N/mm
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	± 25 (Shore A)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 600%
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Súng bơm
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 60-90 phút Thời gian khô: 2mm/24 giờ



MÔ TẢ

CLEVERSEAL PU 2K; là keo trám khe polyurethane hai thành phần, có thể rót, tự chảy phẳng với khả năng chịu đầu lửa hoàn hảo.

ĐẶC TÍNH

- Gốc Polyurethane.
- Không dung môi.
- Có thể rót trám kín khe co giãn lớn.
- Dễ thi công.
- Khả năng chịu đầu lửa và các hóa chất khác rất cao.
- Nó có đặc tính giãn dài hoàn hảo, cung cấp khả năng đàn hồi vĩnh viễn.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Trám khe nối panen bê tông.
- Panen đúc sẵn.
- Giãn nở đứng và giãn nở ngang.
- Khe nối bề mặt PVC, gỗ, nhôm và nhựa.
- Trám khe bể nước và bể bơi.
- Trám khe kênh mương tưới tiêu.
- Trám khe mái và sân thượng.
- Khe có giãn xây dựng lớn.
- Khe nối đường băng.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Khe nối phải được làm sạch kỹ càng, và bề mặt phải sạch dầu, mỡ, nhiên liệu, sáp, silicon và các chất cặn khác. Bề mặt bê tông xốp, hoặc những khu vực nứt vỡ nặng, nên được gắn cẩn thận để tránh bóng khí. Nếu mặt nền không vững chắc, cần quét CLEVER PU PRIMER 300 cho cả bề tông ẩm.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVERSEAL PU 2K; được cung cấp hai thành phần trong hai thùng riêng biệt với tỷ lệ trộn định sẵn. Đổ toàn bộ phần A và phần B. Sau khi đã trộn phần B kỹ, từ từ đổ phần A vào và liên tục khuấy. Sau khi đổ hết phần A vào phần B, tiếp tục khuấy chậm thêm vài phút nữa đến khi hỗn hợp nhuyễn đều. Thời gian sống của hỗn hợp là 30-35 phút ở 20 °C, tùy theo nhiệt độ.

THI CÔNG

CLEVERSEAL PU 2K; Thận trọng đặt thanh chèn vào trong khe nối ở độ sâu thích hợp. Đổ keo vào khe. Khi đổ **CLEVERSEAL PU 2K** vào khe cần đảm bảo không để bóng khí kẹt lại trong khe. Các khe nối rộng có thể cần phải thi công nhiều lần để đảm bảo cho keo phải tiếp xúc hoàn toàn với các cạnh và đáy khe nối. Miết nhẵn mặt keo ngay sau khi thi công. Đổ keo với độ sâu tối thiểu 10 mm, và tỷ lệ độ rộng với độ sâu là 2:1.

TIÊU THỤ

ĐỘ RỘNG KHE (cm)	ĐỘ SÂU KHE (cm)	ĐỘ BAO PHỦ (kg/m)
2	1	0,30
4	2	1,10
8	2	2,20

Đây chỉ là định mức tiêu thụ trên lý thuyết.

Tỷ lệ này có thể thay đổi tùy thuộc vào hình dạng và độ rộng của khe.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Keo Polyurethane 2K rót
Màu sắc	Ghi
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,40 gr/cm ³
Đóng gói	8 kg + 4 Kg
Chịu nhiệt độ	5 Kg – 25 Kg
Khả năng thấm hơi nước (ASTM E96)	-40°C đến +90°C
Tốc độ ninh kết (mm/ngày)	6 giờ
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Thời gian sống (25°C)	40 phút
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Modulus 100% (ASTM 412 / EN-ISO 527-3)	4 N/mm ²
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	± 25 (Shore A)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 500%
Sức nổ (DIN 52458)	> 80
QUV (ASTM G53)	1000 giờ
Thời gian hết dính (25°C)	2 giờ
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Rót
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 5 giờ Ninh kết: 5-12 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU INJECTION; là Polyurethane tiêm một thành phần, độ nhớt thấp, phản ứng với nước. Nó là vật liệu chống thấm polyurethane được thiết kế đặc dụng cho gắn kín khe nứt rò rỉ nước áp lực hoặc không áp lực trên bề mặt bê tông.

ĐẶC TÍNH

- Kháng axit yếu, vi sinh vật, kiềm và nước.
- Dễ dàng điều chỉnh thời gian ninh kết.
- Dễ thi công.
- Kị nước.
- Với độ nhớt thấp, nó có thể thấm sâu hoàn hảo vào mặt nền.
- Không dung môi.
- Phản ứng với nước và chặn rò rỉ.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Móng
- Tường chắn
- Tường nứt
- Đường hầm và hầm chui
- Hệ thống nước thải
- Bể
- Đập và đường ống dẫn nước
- Bể chứa
- Kết cấu ngầm

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt rò rỉ và khe phải được khử sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Trám đầy các vết rò rỉ lớp hơn 3mm bằng vữa sửa chữa thích hợp. Lắp đặt kim bơm vào vị trí rò rỉ. Kim bơm được đặt chéo với góc 45°. Kim bơm nên được gắn chặt ở khoảng giữa chùng xuyên qua độ dày bê tông cốt thép. Khoảng cách giữa các kim bơm là 15-90 cm. Các lỗ khoan phải sạch bụi.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER PU INJECTION; Trước tiên trộn sản phẩm với CLEVER PU INJ CATALYST. Tỷ lệ chất xúc tác nên vào khoảng 2% – 10%. Khuấy kĩ đến khi hỗn hợp đạt độ nhuyễn đều. Tỷ lệ chất xúc tác nên được quyết định dựa trên loại khe nứt và tốc độ dòng nước chảy và điều kiện thời tiết.

THI CÔNG

CLEVER PU INJECTION; Sau khi kim bơm đã được lắp đặt, tiến hành bơm vật liệu bằng thiết bị bơm tiêm một thành phần. Áp suất bơm có thể dao động trong khoảng 14-200 bar. Thi công nên bắt đầu từ điểm đầu tiên. Sau khi bắt đầu với áp suất thấp, áp suất được tăng dần đến khi vật liệu tràn ra ngoài. Sau khi vật liệu đã tràn ra ngoài, chuyển sang bơm tiêm vào các kim bơm kế tiếp.

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

25 Kg + 2,5 Kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng không bóc mở ở nơi khô ráo và ở nhiệt độ 5-25°C. Khi thùng đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

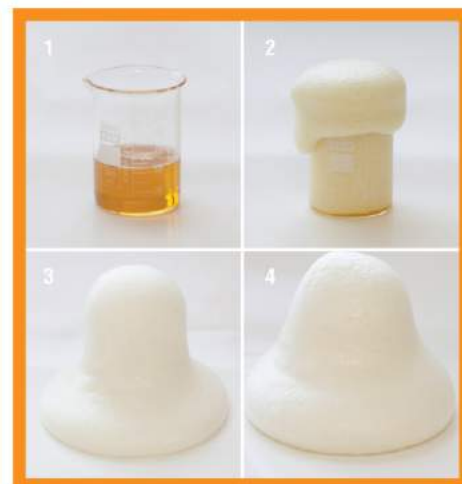
Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màu sắc	Vàng nhạt
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,1 gr/cm ³ . ±0.03
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	~ 200 cp
Đóng gói	25 Kg
Hàm lượng chất rắn (ASTM D 2697)	100%
Điểm cháy	145 °C
Thời hạn sử dụng	12 tháng
CLEVER PU INJ CATALYST	
Màu sắc	Vàng nhạt
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	0,95 gr/cm ³ . ±0.01
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	~ 15 cp
Đóng gói	2,5 Kg
Điểm cháy	70 °C
Thời hạn sử dụng	12 tháng



MÔ TẢ

CLEVER PU PRIMER 200; là sơn lót một thành phần gốc PU, trong suốt.

ĐẶC TÍNH

- Bám dính hoàn hảo.
- Dễ thi công.
- Có thể thấm thấu hoàn hảo vào mặt nền xốp.
- Nhanh khô.
- Tạo ra một lớp màng mịn sau khi thấm thấu vào mặt nền.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Bê tông xốp
- Thạch cao
- Tấm thạch cao và tấm xi măng
- Gỗ

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER PU PRIMER 200; Trước tiên trộn mạnh để hỗn hợp nhuyễn đều, rồi sau đó tiếp tục khuấy chậm thêm vài phút nữa.

THI CÔNG

CLEVER PU PRIMER 200; Sau khi sản phẩm đã được trộn bằng máy trộn tốc độ chậm đạt độ nhuyễn đều, thi công sản phẩm bằng chổi hoặc con lăn. Có thể thi công bằng thiết bị phun cho khu vực rộng lớn. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 1 giờ. Rửa

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,10 kg/m²

Tổng lượng tiêu thụ tối thiểu: 0,1 – 0,3 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

4 Kg và 20 Kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Sơn lót Polyurethane 1K
Màu sắc	Trong suốt
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,01 gr/cm ³ ±0.03
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	10-50cp
Đóng gói	4 Kg – 20 Kg
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +40°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	0,1-0,3 kg/m ²
Độ cứng ASTM D2240	95 (Shore A)
Chịu nhiệt độ	-5°C đến +80°C
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2,2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Lăn, quét, phun
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 1 giờ Lớp kế tiếp: 4 giờ Ninh kết hoàn toàn: 4 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU PRIMER 300-2K; Sơn lót hai thành phần, khả dụng hơi ẩm, gốc polyurethane.

ĐẶC TÍNH

- Bám dính hoàn hảo với nhiều loại bề mặt.
- Bê tông ẩm và bê tông ướt.
- Dễ thi công.
- Khả năng giãn dài hoàn hảo.
- Bám dính hoàn hảo với bề mặt xốp.
- Nhanh khô
- Thẩm thấu đều các điểm trên toàn bộ bề mặt.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Bê tông xốp
- Thạch cao.
- Tấm xi măng và tấm thạch cao.
- Gỗ.
- Kính, kim loại và cẩm thạch.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER PU PRIMER 300-2K; hai thành phần được cung cấp trong hai thùng riêng biệt với tỷ lệ pha trộn định sẵn. Thời gian sống là 45 phút với độ ẩm môi trường 55% và ở nhiệt độ 23°C.

THI CÔNG

CLEVER PU PRIMER 300-2K; Sử dụng máy trộn tốc độ chậm để trộn hỗn hợp đến khi nhuyển đều. Thi công sản phẩm bằng con lăn hoặc chổi. Có thể thi công bằng thiết bị phun cho khu vực rộng lớn. Sau 6-12 giờ khi đã ninh kết hoàn toàn, thi công màng dung dịch polyurethane hoặc keo trám polyurethane.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,10 kg/m²

Tổng lượng tiêu thụ tối thiểu: 0,1 – 0,3 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

18 Kg (bộ A+B)

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25°C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Sơn lót Polyurethane 2K
Màu sắc	Ghi
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,18 gr/cm ³ ±0.03
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	200 cp
Đóng gói	Thành phần A 13,5 Kg – Thành phần B 4,5 Kg
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	0,1-0,3 kg/m ²
Độ cứng ASTM D2240	70 (Shore A)
Giãn dài (23°C) ASTM D 412	300%
Thời gian sống	35 phút (20°C)
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 4 N/mm ²
Biện pháp thi công	Lăn, quét, phun
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU TILE PRIMER; là sơn lót một thành phần bám dính đặc biệt dành cho mặt nền không xốp.

ĐẶC TÍNH

- Dễ thi công.
- Thời gian khô rất ngắn.
- Không cần pha loãng.
- Bám dính hoàn hảo lên bề mặt không xốp như kính, gạch men, vv.
- Khả năng bám dính hoàn hảo.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Đá tự nhiên, cẩm thạch có độ xốp thấp.
- Kính
- Gạch kính
- Gạch men.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cốt pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER PU TILE PRIMER; Trước tiên trộn mạnh để hỗn hợp nhuyễn đều, rồi sau đó tiếp tục khuấy chậm thêm vài phút nữa.

THI CÔNG

CLEVER PU TILE PRIMER; Dùng máy trộn tốc độ chậm trộn hỗn hợp đến khi nhuyễn đều. Thi công hỗn hợp bằng giẻ sạch. Để khô khoảng 10-15 phút. Sau đó thi công lớp nền hoặc lớp mặt polyurethane dung dịch.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,05 kg/m²

Tổng lượng tiêu thụ tối thiểu: 0,05 – 0,08 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

1 lít và 4 lít

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Sơn lót 1K cho mặt nền không xốp
Màu sắc	Trong suốt
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	0,8 gr/cm3 ±0.03
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	40-50cp
Đóng gói	1 lít – 4 lít
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	0,05-0,08 kg/m2
Biện pháp thi công	Giẻ sạch
Thời gian khô	23°C, độ ẩm môi trường 55%
Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	Sờ khô: 10-15 phút



MÔ TẢ

CLEVER EPOXY PRIMER; là sơn lót epoxy hai thành phần, không dung môi, ninh kết bằng phản ứng hóa học.

ĐẶC TÍNH

- Không dung môi
- Sơn lót bề tông đa năng hoàn hảo.
- Kháng chất tẩy rửa thông dụng.
- Cung cấp bề mặt bóng.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Nội và ngoại thất.
- Trung tâm mua sắm, siêu thị.
- Lớp phủ bảo vệ trên hệ thống bề mặt công nghiệp.
- Nhà máy xử lý nước thải và rác thải.
- Bãi đỗ xe và đường đi bộ.
- Nhà máy giấy.
- Làm sơn lót cho lớp PU và Epoxy chống thấm.
- Nhà kho và nhà xưởng.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt cần được sơn phủ phải sạch dầu, mỡ và các tạp chất khác. Bề mặt phải khô và được khử sạch hồ xi măng và chất chống dính bằng biện pháp phun mài hoặc khắc axit. Bề mặt nhiễm muối phải được làm sạch bằng biện pháp phun nước áp lực cao. Trám đầy các lỗ hổng bằng sản phẩm thích hợp. Bề mặt sau khi được xử lý phải đạt cường độ bê tông tối thiểu 1,5 N/m² và độ ẩm bê tông tối đa là 5%. Sử dụng CLEVER EP PRIMER N cho bê tông ẩm.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER EPOXY PRIMER; được cung cấp theo bộ hai thành phần định sẵn tỷ lệ trộn. Toàn bộ hàm lượng trong từng thùng phải được trộn lẫn với nhau. Khuấy kĩ phần chất nền bằng máy trộn tốc độ chậm. Trong khi liên tục trộn ở tốc độ chậm, đổ thành phần kia vào, sau đó tăng dần tốc độ trộn đến khi hỗn hợp nhuyễn đều. Thời gian sống của hỗn hợp là 45 phút ở nhiệt độ 25 °C. Nhiệt độ cao hơn sẽ giảm thời gian sống của sản phẩm, nhiệt độ thấp hơn sẽ kéo dài thời gian sống.

THI CÔNG

CLEVER EPOXY PRIMER; có thể được thi công trên mặt sàn bằng bay và/hoặc con lăn. Nó có thể được trộn với cát thạch anh 0,1-0,3 mm (1/1) và cát thạch anh 0,2-0,5 mm có thể được rắc trên lớp màng khi còn ướt theo tỷ lệ mong muốn. Khi được ứng dụng làm lớp lót bề, với độ thông thoáng tốt và nhiệt độ luôn giữ ở 25 °C, cần để ninh kết tối thiểu 4 ngày trước khi đưa vào sử dụng. Không để hỗn hợp đã trộn trong thiết bị quá 30 phút. Nếu ngừng thi công, cần phải xả sạch bằng chất pha loãng epoxy. Mặc dù CLEVER EPOXY PRIMER là vật liệu không dung môi, nhưng vẫn cần môi trường thông thoáng để bảo vệ người thi công, ngăn ngừa sự ngưng tụ trên màng sơn, và giúp đạt hiệu suất lớp phủ tối ưu. Tạo môi trường thông thoáng trong suốt quá trình ninh kết.

TIÊU THỤ

Tổng lượng tiêu thụ tối thiểu: 0,20-0,50 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

17 Kg + 8 Kg

Thời hạn sử dụng 12 tháng khi được bảo quản trong tình trạng còn nguyên bao gói, ở nơi khô ráo và nhiệt độ ở 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Sơn lót epoxy không dung môi
Màu sắc	Trong
Tỷ trọng (20°C)	1,1 gr/cm ³ ±0.05
Đóng gói	Thành phần A: 17 Kg; Thành phần B: 8 Kg
Tỷ lệ trộn	2,12 / 1 theo trọng lượng
Độ bóng	Bóng
Pha loãng	Không nên pha loãng. Chất pha loãng epoxy chỉ để rửa dụng cụ.
Chịu nhiệt độ	121°C Khô
Độ bền nén	~ 95 N/mm ²
Cường độ bám dính	≥ 1,5 N/mm ²
Độ cứng Shore D	83
Độ bền uốn	~ 30 N/mm ²
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	0,2-0,5 Kg/m ²
Hàm lượng chất rắn (ASTM D 2697)	100%
VOC	31 g/lít
Thời gian sống	30 phút (ở 20°C)
Biện pháp thi công	Con lăn, chổi và bay
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER EPOXY PRIMER WET; Sơn lót hai thành phần, không dung môi, khả dụng hơi ẩm 98%

ĐẶC TÍNH

- Không dung môi
- Được sử dụng làm sơn lót cho các bề mặt có độ ẩm cao.
- Được thiết kế đặc biệt để tăng độ bám dính cho màng PU và sơn Epoxy với bề mặt có độ ẩm cao.
- Độ bền căng tại điểm gãy cao.
- Kháng hóa chất tẩy rửa thông dụng
- Loại bỏ độ ẩm trên bề mặt tới 98%.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Ứng dụng cho cả nội và ngoại thất.
- Trung tâm mua sắm, siêu thị.
- Khu vực chịu tải công nghiệp nặng và nhẹ.
- Nhà máy xử lý nước thải và rác thải.
- Bãi đỗ xe bà đường đi bộ.
- Nhà máy giấy.
- Làm sơn lót cho lớp PU và Epoxy chống thấm.
- Nhà kho và nhà xưởng.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Phương pháp thử độ ẩm bề mặt phải tuân thủ tiêu chuẩn BS 8203. Toàn bộ bề mặt cần được sơn phủ phải sạch dầu, mỡ và các tạp chất khác. Bề mặt phải khô và được khử sạch hồ xi măng và chất chống dính bằng biện pháp phun mài hoặc khắc axit. Bề mặt nhiễm muối phải được làm sạch bằng biện pháp phun nước áp lực cao. Trám đầy các lỗ hổng bằng sản phẩm thích hợp. Bề mặt sau khi được xử lý phải đạt cường độ bê tông tối thiểu 1,5 N/m².

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER EPOXY PRIMER WET; được cung cấp theo bộ hai thành phần định sẵn tỷ lệ trộn. Toàn bộ hàm lượng trong từng thùng phải được trộn lẫn với nhau. Khuấy kỹ phần chất nền bằng máy trộn tốc độ chậm. Trong khi liên tục trộn ở tốc độ chậm, đổ thành phần kia vào, sau đó tăng dần tốc độ trộn đến khi hỗn hợp nhuyển đều. Thời gian sống của hỗn hợp là 25-30 phút ở nhiệt độ 25 °C. Nhiệt độ cao hơn sẽ giảm thời gian sống của sản phẩm, nhiệt độ thấp hơn sẽ kéo dài thời gian sống.

THI CÔNG

CLEVER EPOXY PRIMER WET; Sau khi bề mặt đã được chuẩn bị, Nó được thi công bằng bay. Loại bỏ nước đọng trên bề mặt. Dùng bay phết vật liệu lên bề mặt khi vật liệu còn tươi. Dùng con lăn lông ngắn lăn để loại bỏ vết bay. Độ dày ứng dụng nên <350 micromet (600 gr/m²). Bề mặt ứng dụng phải được phủ cát silica 0.7-1.00 mm (1.5 kg/m²) trước khi khô. Không ứng dụng cho khu vực chịu áp suất nước ngầm.

TIÊU THỤ

Mức tiêu thụ lý thuyết: 0,4-0,6 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

16 Kg + 4 Kg (Bộ 20 Kg)

8 Kg + 2 Kg (Bộ 10 Kg)

Thời hạn sử dụng 12 tháng khi được bảo quản trong tình trạng còn nguyên bao gói, ở nơi khô ráo và nhiệt độ ở 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Sơn lót không dung môi, khả năng hơi ẩm
Màu sắc	Ghi
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,45 gr/cm ³ ±0.05
Đóng gói	Thành phần A :16 kg + Thành phần B: 4 kg Thành phần A: 8 kg + Thành phần B: 2 kg
Tỷ lệ trộn	3,02 / 0,725 theo trọng lượng
Độ bóng	Hơi bóng
Điểm sáng	> 60 °C
Pha loãng	Không nên pha loãng. Chất pha loãng epoxy chỉ để rửa dụng cụ.
Chịu nhiệt độ	121 °C khô
Độ bền áp lực (ninh kết hoàn toàn)	95 N/mm ²
Nhiệt độ thi công	+10 °C +35 °C
Cường độ bám dính bê tông	≥ 2,8 N/mm ²
Độ cứng Shore D (7 ngày)	83
Độ bền uốn	30 N/mm ²
Định mức tiêu thụ lý thuyết	> 0,4-0,6 Kg/m ²
Thời gian sống	25-35 phút (23°C)
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Chất rắn	100%
VOC	31g/lít
Biện pháp thi công	Bay
Độ ẩm tối đa trên bề mặt (dư)	98%
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 – 8 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER EPOXY PRIMER N; là sơn lót epoxy hai thành phần, không dung môi, ngăn ẩm, ninh kết nhanh.

ĐẶC TÍNH

- Không dung môi
- Có thể được ứng dụng làm chất trám kín cho bề mặt bê tông ẩm.
- Lớp lót bê tông đa năng.
- Kháng chất tẩy rửa thông dụng.
- Tỷ lệ pha trộn thuận tiện (2/1).
- Cung cấp bề mặt bóng.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Nội và ngoại thất.
- Trung tâm mua sắm, siêu thị.
- Lớp phủ bảo vệ trên hệ thống bề mặt công nghiệp.
- Nhà máy xử lý nước thải.
- Bãi đỗ xe và đường đi bộ.
- Nhà máy giấy.
- Làm sơn lót cho lớp PU và Epoxy chống thấm.
- Nhà kho và nhà xưởng.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt cần được sơn phủ phải sạch dầu, mỡ và các tạp chất khác. Bề mặt phải khô và được khử sạch hồ xi măng và chất chống dính bằng biện pháp phun mài hoặc khắc axit. Bề mặt nhiễm muối phải được làm sạch bằng biện pháp phun nước áp lực cao. Trám đầy các lỗ hổng bằng sản phẩm thích hợp. Bề mặt sau khi được xử lý phải đạt cường độ bê tông tối thiểu 1,5 N/m².

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER EPOXY PRIMER N; được cung cấp theo bộ hai thành phần định sẵn tỷ lệ trộn. Toàn bộ hàm lượng trong từng thùng phải được trộn lẫn với nhau. Khuấy kỹ phần chất nền bằng máy trộn tốc độ chậm. Trong khi liên tục trộn ở tốc độ chậm, đổ thành phần kia vào, sau đó tăng dần tốc độ trộn đến khi hỗn hợp nhuyễn đều. Thời gian sống của hỗn hợp là 30 phút ở nhiệt độ 25°C. Nhiệt độ cao hơn sẽ giảm thời gian sống của sản phẩm, nhiệt độ thấp hơn sẽ kéo dài thời gian sống.

THI CÔNG

CLEVER EPOXY PRIMER N; có thể được thi công trên mặt sàn bằng bay và/hoặc con lăn. Nó có thể được trộn với cát thạch anh 0,1-0,3 mm (1/1) và cát thạch anh 0,2-0,5 mm có thể được rắc trên lớp màng khi còn ướt theo tỷ lệ mong muốn. Khi được ứng dụng làm lớp lót bề, với độ thông thoáng tốt và nhiệt độ luôn giữ ở 25 °C, cần để ninh kết tối thiểu 4 ngày trước khi đưa vào sử dụng. Không để hỗn hợp đã trộn trong thiết bị quá 30 phút. Nếu ngừng thi công, cần phải xả sạch bằng chất pha loãng epoxy. Mặc dù **CLEVER EPOXY PRIMER N** là vật liệu không dung môi, nhưng vẫn cần môi trường thông thoáng để bảo vệ người thi công, ngăn ngừa sự ngưng tụ trên màng sơn, và giúp đạt hiệu suất lớp phủ tối ưu. Tạo môi trường thông thoáng trong suốt quá trình ninh kết.

TIÊU THỤ

Tổng lượng tiêu thụ tối thiểu: 0,20 – 0,60 kg/m²

ĐÓNG GÓI VÀ THỜI HẠN SỬ DỤNG

12 Kg + 6 Kg

Thời hạn sử dụng 12 tháng khi được bảo quản trong tình trạng còn nguyên bao gói, ở nơi khô ráo và nhiệt độ ở 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

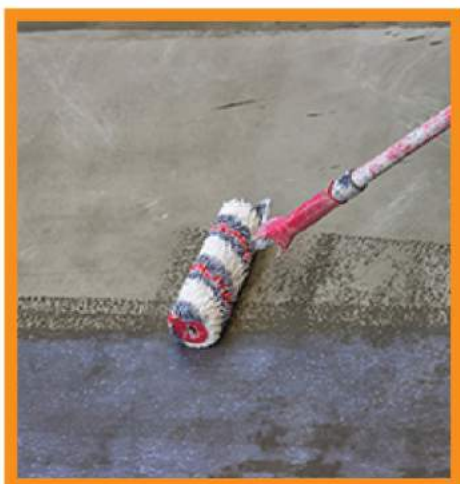
Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Sơn lót epoxy không dung môi, ngăn ẩm
Màu sắc	Trong
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,1 gr/cm ³ ±0.05
Đóng gói	Thành phần A: 12 Kg; Thành phần B: 6 Kg
Tỷ lệ trộn	2/1 theo trọng lượng
Độ bóng	Bóng
Điểm sáng	> 60 °C
Nhiệt độ thi công	+5 °C đến +35 °C
Pha loãng	Không nên pha loãng. Chất pha loãng epoxy chỉ để rửa dụng cụ.
Chịu nhiệt độ	121°C Khô
Độ bền nén	~ 95 N/mm ²
Cường độ bám dính	≥ 1,5 N/mm ²
Độ cứng Shore D	83
Độ bền uốn	~ 30 N/mm ²
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	0,2-0,6 Kg/m ²
Hàm lượng chất rắn (ASTM D 2697)	100%
VOC	31 g/lít
Thời gian sống	30 phút (ở 20°C)
Biện pháp thi công	Con lăn, chổi và bay
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER EPOXY PRIMER WB; là sơn lót epoxy hai thành phần, gốc nước, ngăn ẩm, ninh kết bởi phản ứng hóa học.

ĐẶC TÍNH

- Lớp ngăn nước và hơi ẩm hiệu quả cao.
- Được sử dụng làm lớp lót cho bê tông ẩm.
- Lớp lót bê tông đa năng tuyệt hảo.
- Kháng hóa chất tẩy rửa thông dụng.
- Ít mùi, an toàn và không cháy.
- Thích ứng cho khu vực kín khí.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Nội và ngoại thất.
- Trung tâm mua sắm, siêu thị.
- Lớp phủ bảo vệ trên hệ thống bề mặt công nghiệp.
- Nhà máy xử lý nước thải.
- Bãi đỗ xe bà đường đi bộ.
- Nhà máy giấy.
- Làm sơn lót cho lớp PU và Epoxy chống thấm.
- Nhà kho và nhà xưởng.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt cần được sơn phủ phải sạch dầu, mỡ và các tạp chất khác. Bề mặt phải khô và được khử sạch hồ xi măng và chất chống dính bằng biện pháp phun mài hoặc khắc axit. Bề mặt nhiễm muối phải được làm sạch bằng biện pháp phun nước áp lực cao. Trám đầy các lỗ hổng bằng sản phẩm thích hợp. Bề mặt sau khi được xử lý phải đạt cường độ bê tông tối thiểu 1,5 N/m2.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER EPOXY PRIMER WB; được cung cấp theo bộ hai thành phần định sẵn tỷ lệ trộn. Toàn bộ hàm lượng trong từng thùng phải được trộn lẫn với nhau. Khuấy kĩ phần chất nền bằng máy trộn tốc độ chậm. Trong khi liên tục trộn ở tốc độ chậm, đổ thành phần kia vào, sau đó tăng dần tốc độ trộn đến khi hỗn hợp nhuyễn đều. Thời gian sống của hỗn hợp là 1 giờ ở nhiệt độ 25 °C. Nhiệt độ cao hơn sẽ giảm thời gian sống của sản phẩm, nhiệt độ thấp hơn sẽ kéo dài thời gian sống. Sau khi hai thành phần đã được trộn lẫn, chúng có thể được pha loãng bằng nước.

THI CÔNG

CLEVER EPOXY PRIMER WB; Sau khi bề mặt đã được chuẩn bị, CLEVER EPOXY PRIMER WB được thi công trong phạm vi hệ thống. Không để hỗn hợp trong thiết bị quá 1 giờ. Môi trường thông thoáng tốt sẽ bảo vệ người thi công, ngăn ngừa sự ngưng tụ trên màng sơn, và giúp đạt hiệu suất lớp phủ tối ưu. Tạo môi trường thông thoáng trong suốt quá trình ninh kết.

TIÊU THỤ

Tổng lượng tiêu thụ tối thiểu: 0,20 – 0,60 kg/m2

ĐÓNG GÓI VÀ THỜI HẠN SỬ DỤNG

2.5 Kg + 7.5 Kg

Thời hạn sử dụng 12 tháng khi được bảo quản trong tình trạng còn nguyên bao gói, ở nơi khô ráo và nhiệt độ ở 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Sơn lót epoxy gốc nước, ngăn ẩm
Màu sắc	Trong
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,0 gr/cm ³ . ±0.05
Đóng gói	2,5 Kg+7,5 Kg
Tỷ lệ trộn	1/3 theo trọng lượng
Độ bóng	Bóng
Nhiệt độ sử dụng	10°C – 40°C
Độ bền nén	≥3 N/mm ²
Pha loãng	Chỉ pha với 10%-20% nước
Độ nhớt	3500 cp
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	0,2-0,6 Kg/m ²
VOC	Không
Thời gian sống	1 giờ (ở 20°C)
Biện pháp thi công	Con lăn, chổi và bay
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 5-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU 640 TC-1K; là lớp mặt (lớp phủ ngoài cùng) một thành phần, gốc PU, chịu tia cực tím, ninh kết với hơi ẩm và tạo ra một lớp màng trong suốt với khả năng bám dính hoàn hảo trên toàn bộ bề mặt.

ĐẶC TÍNH

- Chịu tia cực tím
- Khả năng chịu ánh nắng trực tiếp cao.
- Dễ thi công.
- Khi được ứng dụng, nó hình thành nên lớp màng liền mảnh không mối nối.
- Bám dính hoàn hảo.
- Duy trì đặc tính cơ học ở nhiệt độ từ -40 °C đến +80 °C.
- Khả năng kháng hóa chất và cơ học cao.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Khả năng chịu mài mòn cao.
- Mái, sân thượng, ban công và hiên.
- Khu vực giao thông bộ cao.
- Sân vận động, bãi đỗ xe.
- Ứng dụng trong nhà và ngoài trời.
- Bề mặt gốm và cẩm thạch.
- Đá tự nhiên.
- Lớp phủ sàn công nghiệp.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng **CLEVER PU PRIMER 200** hoặc **CLEVER EPOXY PRIMER** (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm **CLEVER PU PRIMER 300-2K** hoặc **CLEVER EPOXY PRIMER N** được khuyến dung làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng **CLEVER PU TILE PRIMER**. Quét/lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để có độ bám dính lớp xen giữa tốt hơn, sử dụng **CLEVER PU PRIMER 200**.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER PU 640 TC-1K; Khuấy mạnh đến khi nhuyễn đều. Sau khi kết thúc quá trình khuấy, tiếp tục trộn chậm trong vài phút. Trộn bằng máy trộn tốc độ chậm đến khi hỗn hợp đạt độ đồng đều. Trong suốt quá trình khuấy trộn, không để gió thổi vào thùng, nếu không sẽ sinh bọt khí trong hỗn hợp.

THI CÔNG

CLEVER PU 640 TC-1K; Thi công hỗn hợp bằng chổi hoặc con lăn tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Phải quét lót lại nếu để quá thời gian quy định trên. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,10 – 0,15 kg/m²

Ứng dụng tối thiểu hai lớp

Tổng tiêu thụ tối thiểu: 0,1 – 0,25 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

4 Kg – 20 Kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Lớp mặt Aliphatic Polyurethane 1K
Màu sắc	Trong suốt
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	0,97 gr/cm ³ ±0.03
Độ nhớt ASTM D 2196/EN ISO 3219(25°)	100-200cp
Đóng gói	4 Kg – 20 Kg
Khả năng thấm hơi nước (ASTM E96)	0,8 gr/ m ² /giờ
Độ bóng	Bóng
Nhiệt độ thi công	+5 °C đến +35 °C
Chịu nhiệt độ	100 ngày ở 80 °C & 200 °C Khô (sốc nhiệt)
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	0,1-0,25 Kg/m ²
Độ cứng ASTM D2240,DIN 53505, ISO R 868	60 (Shore D)
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 50%
QUV (ASTM G53)	2000 giờ
Độ bền căng tại điểm gãy (23°C)(ASTM D 412)	≥ 50 N/mm ²
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Biện pháp thi công	Phun, lăn, quét
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU 640 TC-2K; là lớp mặt (lớp phủ ngoài cùng) hai thành phần, gốc PU, chịu tia cực tím. Nó có khả năng chịu mài mòn cao và dính kết với hơi ẩm và tạo ra một lớp màng màu với khả năng bám dính hoàn hảo trên toàn bộ bề mặt.

ĐẶC TÍNH

- Chịu tia cực tím
- Khả năng chịu ánh nắng trực tiếp cao.
- Dễ thi công.
- Khi được ứng dụng, nó hình thành nên lớp màng liên mảnh không mối nối.
- Bám dính hoàn hảo.
- Duy trì đặc tính cơ học ở nhiệt độ từ -40 °C đến +80 °C.
- Khả năng kháng hóa chất và cơ học cao.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Khả năng chịu mài mòn cao.
- Mái, sân thượng, ban công và hiên.
- Khu vực giao thông bộ cao.
- Sân vận động, bãi đỗ xe.
- Ứng dụng trong nhà và ngoài trời.
- Bề mặt gốm và cẩm thạch.
- Đá tự nhiên.
- Lớp phủ sàn công nghiệp.
- Bảo vệ lớp nền PU và lớp nền polyurea.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng **CLEVER PU PRIMER 200** hoặc **CLEVER EPOXY PRIMER** (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm **CLEVER PU PRIMER 300-2K** hoặc **CLEVER EPOXY PRIMER N** được khuyến nghị làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng **CLEVER PU TILE PRIMER**. Quét/lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để có độ bám dính lớp xen giữa tốt hơn, sử dụng **CLEVER PU PRIMER 200**.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER PU 640 TC-2K; Khuấy mạnh đến khi nhuyển đều. Sau khi kết thúc quá trình khuấy, tiếp tục trộn chậm trong vài phút. Trộn bằng máy trộn tốc độ chậm đến khi hỗn hợp đạt độ đồng đều. Trong suốt quá trình khuấy trộn, không để gió thổi vào thùng, nếu không sẽ sinh bọt khí trong hỗn hợp.

THI CÔNG

Thi công hỗn hợp bằng chổi hoặc con lăn tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không được quá 48 giờ. Phải quét lót lại nếu để quá thời gian quy định trên. Không để vật liệu tồn đọng trong thiết bị thi công quá 2 giờ.

TIÊU THỤ

Mỗi lớp tối thiểu: 0,10 – 0,15 kg/m²
Ứng dụng tối thiểu hai lớp
Tổng tiêu thụ tối thiểu: 0,1 – 0,25 kg/m²

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

16 + 4 kg
Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

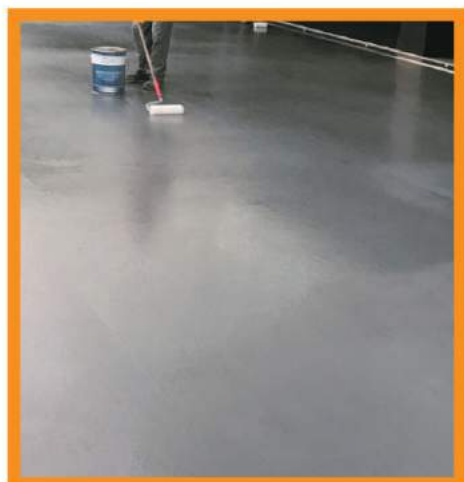
Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Lớp mặt Aliphatic Polyurethane 2K
Màu sắc	Chọn trong bảng màu
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,30 – 1,40 gr/cm ³ (tùy theo màu)
Độ nhớt	18-25 sn/DINCUP4/20°C
Đóng gói	16+4 Kg
Độ bóng 85°	20-30 Bóng
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	0,1-0,25 Kg/m ²
Thời gian sống	35 – 45 phút/ 20°C
Pha loãng	Chất pha loãng Polyurethane (nếu cần thiết)
Hàm lượng chất rắn (%)	Theo trọng lượng 77±2 (tùy theo màu) Theo khối lượng 65±2 (tùy theo màu)
Biện pháp thi công	Phun, lăn, quét
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 6 giờ Lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU BINDER-1K; Chất kết dính đá dăm tự nhiên, một thành phần, gốc polyurethane, không dung môi, chịu tia cực tím.

ĐẶC TÍNH

- Chịu tia cực tím.
- Không dung môi.
- Chịu phong hóa tốt.
- Dễ sử dụng.
- Chịu tác động cơ học hiệu quả.
- Giãn dài hiệu quả.
- Giao thông bộ cao và giao thông cơ giới.
- Không tích tụ sau khi thi công.
- Ứng dụng trên mặt đứng và mặt ngang.
- Thân thiện môi trường.
- Ứng dụng cho khe rộng mở.
- Không ố vàng.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Lớp phủ sàn trong nhà và ngoài trời.
- Trang trí sân vườn.
- Lối đi bộ.
- Trang trí cảnh quan.
- Khu vực đỗ xe.
- Khu vực giao thông bộ (đi bộ) nhẹ.
- Lớp phủ vỉa hè.
- Bãi đỗ ô tô.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng CLEVER PU PRIMER 200 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm CLEVER PU PRIMER 300-2K hoặc CLEVER EPOXY PRIMER N được khuyến dung làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER. Quét/lăn vật liệu tối thiểu hai lớp. Thời gian thi công giữa các lớp không quá 48 giờ. Để có độ bám dính lớp xen giữa tốt hơn, sử dụng CLEVER PU PRIMER 200.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER PU BINDER-1K; Khuấy mạnh đến khi nhuyễn đều. Sau khi kết thúc quá trình khuấy, tiếp tục trộn chậm trong vài phút. Trộn bằng máy trộn tốc độ chậm đến khi hỗn hợp đạt độ đồng đều. Nếu ứng dụng cho khu vực đi bộ, trộn sản phẩm với phụ gia CLEVER TIX.

THI CÔNG

CLEVER PU BINDER-1K; Đá dăm tự nhiên nên được chọn lựa theo loại bề mặt và độ dày ứng dụng và pha trộn theo bảng dưới đây. Trước tiên, trộn CLEVER PU BINDER-1K bằng máy trộn tốc độ chậm tối thiểu 2-3 phút với đá dăm tự nhiên theo bảng tỷ lệ dưới đây trong một thùng nhỏ. Dùng bay thép phết hỗn hợp đã trộn lên bề mặt. Quá trình thi công được hoàn thành bằng cách đánh bóng bề mặt bằng máy trong một khu vực rộng lớn.

Đá dăm tự nhiên	%	Đá dăm tự nhiên	CLEVER PU BINDER 1K
2-3 mm	6	25 kg	1,5 kg
3-5 mm	5	25 kg	1,25 kg

TIÊU THỤ

Bảng dưới đây được tạo ra cho mức tiêu thụ 1,7 kg/m² và độ dày lớp 3-5 mm.

Pha trộn theo trọng lượng (kg)	Độ dày (mm)	Mức độ bao phủ (m ²)
52,5 kg	2,1	15
52,5 kg	1,6	20
52,5 kg	1,0	30
52,5 kg	0,8	40

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màu sắc	Trong suốt
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,10 gr/cm ³ ±0.02
Đóng gói	Thành phần A 20 Kg; Thành phần B 20 Kg
Hàm lượng chất rắn	100%
Nhiệt độ thi công	+5 °C đến +35 °C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Thời gian sống	8 phút
Thời gian sống (trộn với cốt liệu)	35 – 40 phút
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 30%
Độ bền căng (23°C)(ASTM D 412)	≥ 8 N/mm ²
Biện pháp thi công	Bay thép, bàn xoa thép
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 2 giờ Thời gian có thể bước lên: 8 giờ Ninh kết hoàn toàn: 2 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PU BINDER-2K; Chất kết dính đá dăm tự nhiên, hai thành phần, gốc polyurethane, không dung môi, chịu tia cực tím.

ĐẶC TÍNH

- Chịu tia cực tím.
- Không dung môi.
- Chịu phong hóa tốt.
- Dễ sử dụng.
- Chịu tác động cơ học hiệu quả.
- Giãn dài hiệu quả.
- Giao thông bộ cao và giao thông cơ giới.
- Không tụ đọng sau khi thi công.
- Chỉ ứng dụng trên mặt ngang.
- Thân thiện môi trường.
- Ứng dụng cho khe rỗng mở.
- Không ố vàng.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Lớp phủ sàn trong nhà và ngoài trời.
- Lối đi bộ.
- Trang trí sân vườn.
- Trang trí cảnh quan.
- Khu vực đỗ xe.
- Khu vực giao thông bộ (đi bộ) nhẹ.
- Lớp phủ vỉa hè.
- Bãi đỗ ô tô.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ và độ ẩm trước khi thi công. Làm sạch bề mặt bằng máy rửa áp lực cao và loại bỏ dầu, mỡ và sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cốt pha cũng phải được loại bỏ sạch. Trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm tương thích.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng CLEVER PU PRIMER 200 hoặc CLEVER EPOXY PRIMER (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm CLEVER PU PRIMER 300-2K hoặc CLEVER EPOXY PRIMER N được khuyến dung làm lớp ngăn ẩm. Quét lót bề mặt không hấp thụ như kim loại, gạch men và các lớp sơn cũ bằng CLEVER PU TILE PRIMER.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER PU BINDER-2K; hai thành phần được cung cấp trong hai thùng riêng biệt với tỷ lệ pha trộn định sẵn. Đổ 20 lít thành phần A vào 20 lít thành phần B, trộn bằng máy trộn tốc độ chậm đến khi đạt độ nhuyển đều. Lưu ý: Thời gian sống của hỗn hợp (A+B) chỉ 8 – 10 phút với độ ẩm môi trường 55% ở 23 °C. Bởi vậy, trước hết phải chuẩn bị tất cả đá dăm tự nhiên sẵn sàng để trộn, CLEVER PU BINDER-2K nên được trộn ngay lập tức. Thời gian sống của hỗn hợp trộn (với đá dăm) là 35-40 phút với độ ẩm môi trường 55% ở 23 °C.

THI CÔNG

CLEVER PU BINDER-2K; Đá dăm tự nhiên nên được chọn lựa theo loại bề mặt và độ dày ứng dụng và pha trộn theo bảng dưới đây. Trước tiên, trộn CLEVER PU BINDER-2K bằng máy trộn tốc độ chậm tối thiểu 2-3 phút với đá dăm tự nhiên theo bảng tỷ lệ dưới đây trong một thùng nhỏ. Đá tự nhiên phải khô. Dùng bay thép phết hỗn hợp đã trộn lên bề mặt và miết chặt. Quá trình thi công được hoàn thành bằng cách đánh bóng bề mặt bằng máy trong một khu vực rộng lớn.

Đá dăm tự nhiên	%	Đá dăm tự nhiên	CLEVER PU BINDER 2K
2-3 mm	6	25 kg	1,5 kg
3-5 mm	5	25 kg	1,25 kg

TIÊU THỤ

Bảng dưới đây được tạo ra cho mức tiêu thụ 1,7 kg/m² và độ dày lớp 3-5 mm.

Pha trộn theo trọng lượng (kg)	Độ dày (mm)	Mức độ bao phủ (m ²)
52,5 kg	2,1	15
52,5 kg	1,6	20
52,5 kg	1,0	30
52,5 kg	0,8	40

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màu sắc	Trong suốt
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,10 gr/cm ³ ±0.02
Đóng gói	Thành phần A 20 Kg; Thành phần B 20 Kg
Hàm lượng chất rắn	100%
Nhiệt độ thi công	+5 °C đến +35 °C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Thời gian sống	8 phút
Thời gian sống (trộn với cốt liệu)	35 – 40 phút
Tỷ lệ giãn dài (23°C)(ASTM D 412)	≥ 30%
Độ bền căng (23°C)(ASTM D 412)	≥ 8 N/mm ²
Biện pháp thi công	Bay thép, bàn xoa thép
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Sờ khô: 2 giờ Thời gian có thể bước lên: 8 giờ Ninh kết hoàn toàn: 2 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PUR FLEX SLF; là lớp phủ hai thành phần, tự chảy phẳng, đàn hồi, gốc polyurethane không dung môi. Nó có độ bền cơ học cao và kháng hóa chất cũng như khả năng kết liên vết nứt. Nó là lớp phủ sần bóng, sạch và đàn hồi cao.

ĐẶC TÍNH

- Không dung môi.
- Chịu mài mòn và ma sát cao.
- Khả năng đàn hồi cao.
- Lớp phủ vĩnh viễn liên mảnh.
- Dễ lau và sạch sẽ.
- Không cần bảo trì, nó có độ bền cao.
- Dễ thi công

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Nhà xưởng
- Nhà kho
- Bãi đỗ xe
- Phòng trưng bày và văn phòng
- Bề mặt yêu cầu độ bền cơ học và kháng hóa chất cao
- Bề mặt yêu cầu độ bền mài mòn cao
- Phòng lạnh
- Trường học, bệnh viện
- Lớp phủ sàn đàn hồi

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Bề mặt bê tông cần phải sạch, vững chắc và độ bền nén $>25\text{N/mm}^2$, độ bền căng $>1,5\text{N/mm}^2$. Mặt sàn bê tông cần được phủ phải vững chắc. Nhiệt độ bê tông tối thiểu phải ở 25°C , tốt nhất là ở nhiệt độ tiêu chuẩn $30^\circ\text{C} - 35^\circ\text{C}$. Bề mặt phải được làm sạch bằng tia nước áp lực để khử sạch dầu, mỡ, đất, hạt vữa và bụi bẩn. Bề mặt nên được mài để loại bỏ hồ xi măng tạo ra bề mặt nhám. Cũng như cần phải loại bỏ hoàn toàn các chất chống dính cấp pha, màng không dính kết. Các khe nứt phải được cắt khoét hình chữ V và được trám đầy các vết lõm bằng sản phẩm thích hợp.

LỚP LÓT

Quét lót mọi bề mặt hấp thụ và bề mặt bê tông giòn hoặc vữa xi măng giòn bằng **CLEVER EPOXY PRIMER** (độ ẩm bê tông không được vượt quá 5%). Hoặc đối với bê tông ẩm **CLEVER EPOXY PRIMER N** được khuyến dung làm lớp ngăn ẩm.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER PUR FLEX SLF; hai thành phần được cung cấp trong hai thùng riêng biệt với tỷ lệ pha trộn định sẵn. Đổ thành phần A vào thành phần B, trộn bằng máy trộn tốc độ chậm đến khi đạt độ nhuyễn đều.

THI CÔNG

CLEVER PUR FLEX SLF; Trước khi thi công bề mặt, cần kiểm tra kỹ độ ẩm môi trường. Dùng bay trát đều hỗn hợp. Dùng con lăn mầu để lăn loại bỏ bóng khí trên bề mặt. Rửa sạch dụng cụ và thiết bị thi công khi ngừng sử dụng. Thời gian sống của sản phẩm là 40 phút.

TIÊU THỤ

Cho độ dày lớp phủ 1,5 mm, sử dụng 2.40 kg/m^2

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

20 kg + 5 Kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ $5-25^\circ\text{C}$. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Lớp phủ polyurethane hai thành phần, không dung môi, tự chảy phẳng.
Màu sắc	Nhiều màu tự chọn
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,65 gr/cm ³ ±0.02
Đóng gói	20 (A) Kg + 5 (B) Kg
Tỷ lệ trộn	4/1 theo khối lượng
Độ nhớt	5000 – 7000 cp
Nhiệt độ thi công	+5°C đến +35°C
Thời gian sống	25-35 phút ở 23°C, độ ẩm môi trường 55%.
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	Sờ khô: 16 giờ Ninh kết hoàn toàn: 48 giờ Giao thông: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER EPOXY REPAIR; vữa hai thành phần, không dung môi, ninh kết bởi phản ứng hóa học, dùng làm vữa sửa chữa và neo.

ĐẶC TÍNH

- Không bao giờ vồng xệ.
- Dễ thi công, đặc quánh.
- Nó có khả năng trám điền cao.
- Kháng hóa chất.
- Không dung môi.
- Bám dính hoàn hảo với bê tông và thép.
- Nó có thể dễ dàng được sử dụng trên bề mặt đứng và bề mặt ngang.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Vữa neo trên tường bê tông và tường đá.
- Liên kết và lắp ghép các loại kim loại và thép xây dựng
- Gắn cố định bộ giảm chấn động đất và lan can cầu.
- Gắn cố định các chi tiết neo.
- Kết dính băng dán khe co giãn.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt cần được ứng dụng phải sạch dầu, mỡ, ẩm và các tạp chất khác. Bề mặt cần phải khô, các chất chống dính và hồ xi măng phải được loại bỏ sạch bằng biện pháp phun hạt hoặc khắc axit. Bề mặt nhiễm muối cần phải được làm sạch bằng cách phun nước áp lực cao. Trám kín các vết lõm bề mặt bằng sản phẩm thích hợp.

LỚP LÓT

Không cần quét lót khi bề mặt đã được xử lý sạch.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER EPOXY REPAIR; được cung cấp theo bộ hai thành phần đã được định sẵn tỷ lệ trộn. Toàn bộ hàm lượng trong mỗi thùng chứa phải được trộn lẫn với nhau. Khuấy kỹ phần chất nền bằng máy trộn tốc độ chậm. Trong khi liên tục khuấy ở tốc độ chậm, từ từ đổ phần còn lại vào. Sau khi hai thành phần đã được đổ lẫn hết vào nhau, tăng tốc độ máy trộn một chút và trộn đến khi nhuyễn đều. Thời gian sống của hỗn hợp là 40 phút ở 20°C. Nhiệt độ cao hơn sẽ giảm thời gian sống của vật liệu, nhiệt độ thấp hơn thời gian sống sẽ tăng. Không được trộn bằng tay.

THI CÔNG

CLEVER EPOXY REPAIR; được thi công bằng bay, bàn bả hoặc súng bơm. Lỗ đã được chuẩn bị được bơm đầy bắt đầu từ đáy. Độ dày ứng dụng tối thiểu 2mm và tối đa 30mm. Neo nên được đặt chìm trong **CLEVER EPOXY REPAIR** được đổ đầy trong các lỗ và vật liệu nên được bơm tràn ra khỏi miệng lỗ.

TIÊU THỤ

Tổng lượng tiêu thụ tối thiểu: 1,7±0.05 kg/m² cho độ dày 1mm

ĐÓNG GÓI VÀ THỜI HẠN SỬ DỤNG

3,75 Kg + 1,25 Kg
Thời hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng, ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở thùng, nên sử dụng hết càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

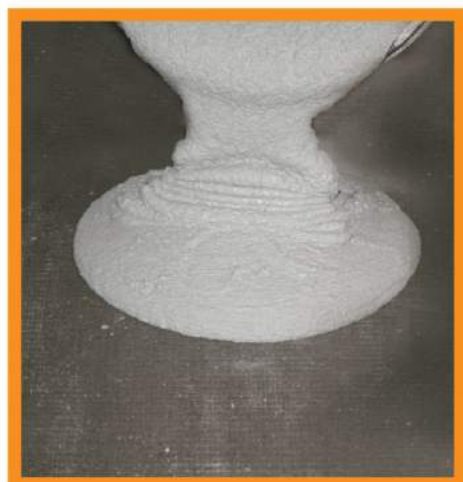
Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	Nhựa epoxy đặc chất lượng cao
Màu sắc	Ghi
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,7 ± 0,05 gr/cm ³
Đóng gói	Thành phần A 3,75 Kg + Thành phần B 1,25 Kg
Độ dày ứng dụng	2mm-30mm
Thời gian sống	40 phút (ở 23°C)
Độ bền uốn	(1 ngày) ≥17 N/mm ² (7 ngày) ≥25 N/mm ²
Độ bền nén	(1 ngày) ≥30 N/mm ² (7 ngày) ≥75 N/mm ²
Cường độ bám dính	(1 ngày) ≥3,5 N/mm ² (7 ngày) ≥3,0 N/mm ²
Nhiệt độ thi công	5°C đến 30°C
Chịu nhiệt độ	-15°C đến + 90°C
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Cho lớp kế tiếp: 8-24 giờ Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PUR FIX-2K; là keo polyurethane hai thành phần, không dung môi, ninh kết nhanh, độ đàn hồi và cường độ kết dính cao, chịu nước và sương giá, được thiết kế để dán gạch men, granit, gỗ và ván lát sàn.

ĐẶC TÍNH

- Bám dính hoàn hảo với nhiều loại bề mặt
- Độ đàn hồi cao,
- Dễ thi công
- Chịu nước
- Được sử dụng để dán các vật liệu xây dựng lớn
- Độ bền căng tại điểm gãy cao
- Chịu sương giá
- Không dung môi

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Keo dán cho bê tông và panen đúc sẵn.
- Lớp láng nền
- Tấm thạch cao
- Bề mặt gỗ
- Bề mặt kính, khảm, granit, cẩm thạch, đá tự nhiên, lớp sơn cũ, thép và gỗ.

CHUẨN BỊ BỀ MẶT

Toàn bộ bề mặt phải sạch dầu, mỡ, độ ẩm trước khi ứng dụng. Làm sạch bề mặt bằng cách phun rửa áp lực cao và loại bỏ sạch dầu, mỡ, sáp, hồ xi măng, hạt lỏng lẻo và các chất chống dính cấp pha. Trám đầy các vết lõm trên bề mặt bằng sản phẩm thích hợp. Quét lót bằng CLEVER PU PRIMER 300-2K.

PHA TRỘN – PHA LOÃNG

CLEVER PUR FIX-2K; hai thành phần được cung cấp trong hai thùng riêng biệt với tỷ lệ pha trộn được định sẵn.

THI CÔNG

CLEVER PUR FIX-2K; chủ yếu được thi công bằng bay khía. Trong suốt thời gian thi công, luôn phải lưu ý không để vữa khô lại và tạo màng. Chít mạch nên được tiến hành 6-8 giờ sau khi dán xong. Nếu tấm lát lớn, mạch nên có độ rộng 3mm. Cứ 30m², nên có khe co giãn 10mm. Trong và sau khi thi công, vữa cần được bảo vệ tránh tiếp xúc với nước và không khí. Không để vữa tiếp xúc trực tiếp với ánh nắng. Thời gian sống của vữa là 45 phút với độ ẩm môi trường là 55% ở 23 °C. Nhiệt độ cao sẽ giảm thời gian sống của sản phẩm và nhiệt độ cao sẽ làm tăng thời gian sống.

TIÊU THỤ

Đối với bề mặt nhẵn, khi sử dụng bay khía 4*4*4, định mức tiêu thụ là 1-1,5 Kg/m².

ĐÓNG GÓI VÀ THỜI HẠN SỬ DỤNG

6.25 Kg + 0.75 Kg (Bộ 7 Kg)
Thời hạn sử dụng tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng, ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở thùng, nên sử dụng hết càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Loại vật liệu	2K Polyurethane
Màu sắc	Kem
Tỷ trọng ASTM D 1475/EN ISO 2811-1(20°)	1,65 gr/cm ³ ±0.03
Đóng gói	6,25 kg (A) ; 0,75 kg (B)
Nhiệt độ thi công	5°C đến 35°C
Pha loãng	Không nên pha loãng
Thời hạn sử dụng	12 tháng
Định mức tiêu thụ lý thuyết	(4x4x4 bay khía) 1 kg/m ² - 1,5 kg/m ²
Thời gian sống	35 – 45 phút (ở 23°C)
Bám dính bê tông (23°C)(ASTM D 903)	≥ 2 N/mm ²
Độ dung sai (TS EN 1308)	≤ 0,5 mm
Biện pháp thi công	Bay thép khía
Thời gian khô Thời gian sống và khô phụ thuộc vào nhiệt độ và khối lượng trộn.	23°C, độ ẩm môi trường 55% Thời gian làm nhẵn: 2 giờ Thời gian chờ thi công khe: 6-8 giờ Chịu giao thông: 1-2 ngày Ninh kết hoàn toàn: 7 ngày



MÔ TẢ

CLEVER PAH BANDI: là băng chống thấm gốc nhựa đàn hồi nhiệt dẻo làm vải địa gia cường polyester cho khe nối xây dựng và khe co giãn, kết nối tường và nền.

ĐẶC TÍNH

- Dễ thi công.
- Chống thấm vĩnh viễn.
- Chịu tia cực tím.
- Kháng ozon, dầu và dầu diesel.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Chống thấm vĩnh viễn khu vực sử dụng nước.
- Bể bơi.
- Bể nước.
- Ban công, lan can.
- Sân thượng.
- Khe nối trám keo thi công lạnh của tường chắn và tường tầng hầm.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màu sắc	Ghi
Đóng gói	50 mét/hộp
Độ dày	0,55 mm
Độ cứng	70 (Shore A)
Độ cứng nổ	3 bar
Chịu áp lực nước	1,5 bar
Độ bền căng (chiều dọc)	30%
Độ bền căng (chiều ngang)	130%
Nhiệt độ ứng dụng	-50°C đến +90°C

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.



MÔ TẢ

CLEVER BAND TP; là băng giãn nở gốc nhựa đàn hồi nhiệt dẻo được sử dụng để chống thấm điểm nối tường và nền, khe co giãn và khe xây dựng.

ĐẶC TÍNH

- Dễ thi công.
- Bám dính hoàn hảo.
- Chống thấm vĩnh viễn.
- Khả năng đàn hồi hoàn hảo.
- Đàn hồi vĩnh viễn do nhiệt độ lạnh.
- Chịu tia cực tím.
- Kháng ozon, dầu và dầu diesel.
- Dễ thi công với keo dán epoxy.

LĨNH VỰC ỨNG DỤNG

- Khe co giãn của tầng hầm, tường và các kết cấu tầng hầm.
- Công trình ngầm.
- Bể nước và bể bơi.
- Khe co giãn của ban công, sân thượng và mái.
- Đường hầm và tường đầu cống.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màu sắc	Ghi
Đóng gói	25 mét/cuộn
Độ cứng	70 (Shore A)
Độ cứng nổ	4 barơ
Chịu áp lực nước	3 barơ
Độ bền căng (chiều dọc)	460%
Độ bền căng (chiều ngang)	1050%
Nhiệt độ ứng dụng	-50°C đến +90°C

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.



MÔ TẢ

CLEVER PU ACC CATALYST; là chất xúc tác làm tăng tốc độ phản ứng của CLEVER PU 110, CLEVER PU 120 và CLEVER PU 130.

ĐẶC TÍNH

- Tăng tốc độ phản ứng của PU đặc biệt trong mùa đông.
- Ngăn chặn các khuyết tật bề mặt gây ra bởi thi công và loại bỏ bong bóng.
- Gia tăng độ xúc biến của lớp màng.
- Gia tăng các đặc tính cơ học của sản phẩm rất hiệu quả.
- Nó cho phép tạo ra lớp màng dày hơn.

PHA TRỘN - PHA LOÃNG

CLEVER PU ACC CATALYST; được sử dụng để tăng tốc thời gian đông kết của CLEVER PU 110, CLEVER PU 120 và CLEVER PU 130. Trộn 0,5-0,1Kg chất xúc tác với 25 kg 1K PU. Khuấy kỹ đến độ nhuyễn đều. Hỗn hợp nên được ứng dụng trong vòng 30 phút.

ĐÓNG GÓI & THỜI HẠN SỬ DỤNG

1 kg

Có thể lưu giữ tối thiểu 12 tháng khi còn nguyên thùng kín ở nơi khô ráo và nhiệt độ 5-25 °C. Khi đã mở, sử dụng càng sớm càng tốt.

CẢNH BÁO

Thi công ở nơi thoáng khí, khu vực cấm lửa, cách xa ngọn lửa trần. Trong khu vực không gian kín, phải sử dụng máy thông khí và mặt nạ các-bon hoạt tính. Phải đeo găng và kính để bảo vệ tay và mắt. Trường hợp vật liệu bám dính vào mắt, phải xả mắt bằng nhiều nước sạch và xin tư vấn của bác sĩ ngay lập tức. Luôn nhớ rằng dung môi nặng hơn không khí nên chúng tụ đọng trên mặt sàn. MSDS (Bản thông số an toàn vật liệu) luôn sẵn có theo yêu cầu.

LƯU Ý

Do các điều kiện sử dụng nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà sản xuất, thông tin trong tài liệu này không có bảo hành, ngụ ý hay cách khác, và quyết định cuối cùng về tính phù hợp của bất kỳ thông tin hoặc tài liệu nào cho việc sử dụng, cách thức sử dụng và liệu có bất kỳ sự vi phạm bằng sáng chế nào hay không là trách nhiệm của người sử dụng. Nhà sản xuất không chịu bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến việc sử dụng sản phẩm liên quan đến phạm vi bảo hiểm, hiệu suất hoặc thương tích. Đối với các ứng dụng trong điều kiện đặc biệt, cần phải tham vấn Clever Polymers để có những khuyến nghị chi tiết. Phiên bản mới của bảng dữ liệu kỹ thuật thay thế các thông tin kỹ thuật trước đây và do vậy nó không còn hiệu lực.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT

Màu sắc	Trong suốt đỏ nhạt
Đóng gói	1kg
Tỷ trọng (20°C)	0,90 kg/lít.
Thời hạn sử dụng	12 tháng





CLEVER POLYMERS & CONSTRUCTION CHEMICALS INC.

Head Office: Atatürk Mah. Ekincioğlu Sk. No:2 Ataşehir / İSTANBUL / TURKEY

Phone: +90 (216) 456 65 85 Fax: +90 (216) 456 65 86

Factory: Mermerciler Sanayi Sitesi 34. Cad. No:5

Köseler Köyü 41455 Dilovası / KOCAELİ / TURKEY

Phone: +90 (262) 728 14 12 Fax: +90 (262) 728 14 13

email: info@cleverpolymers.vn

www.cleverpolymers.vn

